

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký
Phần 7

佛說阿彌陀經要解講記

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch kinh

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Sa-môn Tây Hữu Ngẫu Ích Trí Húc chú giải vào đời Thanh

清西有沙門蕩益智旭解

Pháp sư Tịnh Không giảng thuật

淨空法師講述

Cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi chép

劉承符居士記

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội năm 2006)

Giáo duyệt: Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn Từ và Đức Phong

(Kinh) Hữu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cố danh A Di Đà.

(Giải) Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố thọ mạng vô lượng dã. Pháp Thân thọ mạng, vô thử vô chung. Báo Thân thọ mạng, hữu thử vô chung. Thử diệc Phật Phật đạo đồng, giai khả danh Vô Lượng Thọ. Ứng Thân tùy nguyện, tùy cơ, diên súc bất đẳng. Pháp Tạng nguyện vương, hữu “Phật cập nhân, thọ mạng giai vô lượng” chi nguyện. Kim quả thành như nguyện, biệt danh Vô Lượng Thọ dã. A-tăng-kỳ, vô biên, vô lượng, giai toán số danh, thật hữu lượng chi vô lượng. Nhiên tam thân bất nhất, bất dị, Ứng Thân diệc khả tức thị vô lượng chi vô lượng hỹ. Cập giả, tịnh dã. “Nhân dân” chỉ Đẳng Giác dĩ hoàn, vị Phật thọ mạng, tịnh kỳ nhân dân thọ mạng, giai vô lượng đẳng dã.

(經)又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。

(解)心性照而常寂，故為壽命。今徹證心性無量之體。故壽命無量也。法身壽命。無始無終。報身壽命。有始無終。此亦佛佛道同。皆可名無量壽。應身隨願隨機。延促不等。法藏願王。有佛及人。壽命皆無量之願。今果成如願。別名無量壽也。阿僧祇。無邊。無量。皆算數名。實有量之無量。然三身不一不異。應身亦可即是無量之無量矣。及者。併也。人民指等覺以還。謂佛壽命。併其人民壽命。皆無量等也。

(Chánh kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên có tên là A Di Đà.

Giải: Tâm tánh chiếu mà thường tịch nên [mệnh danh] là thọ mạng. Nay chứng triệt để cái Thể vô lượng của tâm tánh, cho nên thọ mạng vô lượng. Thọ mạng của Pháp Thân không khởi đầu, không kết thúc; thọ mạng của Báo Thân có khởi đầu, không có kết thúc. Đây chính là điều giống nhau giữa chư Phật nên vị nào cũng đều có thể gọi là Vô Lượng Thọ. Ứng Thân tùy theo nguyện, tùy theo căn cơ mà thọ mạng kéo dài hay rút ngắn khác nhau. Trong nguyện vương của ngài Pháp Tạng có lời nguyện “thọ mạng của Phật và nhân dân đều vô lượng”, nay quả thật thành tựu đúng như lời nguyện, nên riêng Ngài có tên là Vô Lượng Thọ. A-tăng-kỳ, vô biên, vô lượng, đều là những tên gọi trong toán số, quả thật là vô lượng trong hữu lượng; nhưng tam thân chẳng một, chẳng khác nên Ứng Thân cũng có thể là vô lượng trong vô lượng. “Cập” là “và”. Chữ “nhân dân” chỉ những người từ Đẳng Giác trở xuống, ý nói: Thọ mạng của Phật và nhân dân của Ngài đều bình đẳng vô lượng).

Đoạn kinh văn này cho biết trong Tây Phương thế giới, thọ mạng của Phật và nhân dân rất dài, đều là vô lượng; vì thế, gọi là A Di Đà. Sách Yếu Giải viết: “Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố thọ mạng vô lượng dã” (Tâm tánh chiếu mà thường tịch nên [mệnh danh] là thọ mạng. Nay chứng triệt để cái Thể vô lượng của tâm tánh, cho nên thọ mạng vô lượng). Đây là nói theo lý luận, vì sao nhân dân tại Tây Phương vô lượng thọ. Nhà Thiên nói “minh tâm kiến tánh”, thì “kiến” (見) có nghĩa là “chứng”. Trong kinh Đại Thừa, Phật nói Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác là kiến tánh, tức là đã chứng đắc tâm tánh, nhưng chưa rốt ráo viên mãn. Dùng mặt trăng để so sánh thì mặt trăng vừa mới mọc gọi là “trăng lưỡi liềm” (trăng non). Bồ Tát kiến tánh là thấy từng phần, chẳng phải là viên mãn ngay lập tức; còn A Di Đà Phật là “triệt chứng” (chứng triệt để, chứng thấu triệt), chứng rốt ráo viên mãn. Nói thật ra, Phần Chứng cũng là vô lượng thọ, huông chi viên mãn! Phật chứng thấu triệt thì không có vấn đề gì, chứ phàm phu và chúng sanh Thập Ác vãng sanh, nghiệp chưa tiêu, làm sao chứng được cái Thể của tâm tánh? Từ Tịnh Độ Tam Kinh, ta cũng có thể hiểu rõ tình trạng này. Do hoàn cảnh của Tây Phương thế giới thù thắng, hoàn toàn vô chướng ngại, hằng ngày cùng với A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, các vị Đẳng Giác Bồ Tát, chư thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, được các Ngài un đúc, dầu là Hạ Hạ Phẩm đời nghiệp vãng sanh cũng liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Đây là do vô lượng công đức của Phật gia trì, nên đều là vô lượng thọ. Pháp Thân là bản thể của tâm tánh; nói thật ra, Pháp Thân chẳng có thọ mạng vì nó không khởi đầu, không kết thúc. Thọ mạng của Báo Thân có khởi đầu, không có kết thúc, có thể nói là mỗi vị Phật đều là vô lượng thọ. Nay đức A Di Đà Phật đang được nói đến [trong kinh này] chính là Ứng Thân Phật. Thọ mạng của Ứng Thân là thuận theo nguyện, theo như nguyện đã phát lúc Phật tu nhân, đồng thời cũng là “tùy cơ”, tức là thuận theo cơ duyên của chúng sanh sẽ được Phật hóa độ mà thọ mạng của [Ứng Thân] Phật dài hay ngắn khác nhau. Trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật phát nguyện khác với chư Phật. Ngài phát nguyện: Trong tương lai, sau khi thành Phật, nhân dân trong cõi Ngài

đều là vô lượng thọ. Nay Ngài đã thành Phật, điều nguyện ấy cũng được thực hiện trên phương diện quả báo. Đấy chính là đại nguyện khôn sánh, mọi người không thể suy tưởng được. Trong lúc tu nhân, Ngài tham khảo, quán sát vô lượng vô biên các cõi nước Phật, thấy thọ mạng có dài - ngắn, tu hành có khó - dễ, Ngài mới phát ra đại nguyện ấy. Trong quá trình tu hành thông thường, những ý niệm ấy rất khó có, khi chứng quả, những nguyện ấy đều biến thành hiện thực.

A-tăng-kỳ (Asamkhyā), Vô Lượng (Apramāna), Vô Biên (Ananta) đều là những danh từ trong Số Học (Toán học). Trong phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đã tham phỏng Tụ Tại Chủ đồng tử¹. Vị này là một nhà đại khoa học mà cũng là một nhà toán học, đã nói cho Thiện Tài biết những con số, được tính từ những con số cơ bản như mười, trăm, ngàn. Tổng cộng gồm một trăm năm mươi sáu con số, không dùng cách tính gấp mười lần (tức mỗi đơn vị sau bằng mười lần đơn vị trước, thường gọi là hệ thập phân), mà dùng phương pháp nhân gấp bội. A-tăng-kỳ là một trong mười đơn vị cuối cùng; A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng, Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên. Con số cuối cùng là Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết. Đã có phương pháp để tính thì đương nhiên có thể tính ra con số, đã có thể tính toán được thì vẫn là “*hữu lượng*” (có hạn lượng). Đấy là nói về Ứng Thân, chứ không là nói về Pháp Thân hay Báo Thân. Đến cuối cùng, khi duyên giáo hóa đã hết, A Di Đà Phật cũng nhập Niết Bàn, trong tương lai sẽ do Quán Thế Âm Bồ Tát kế tục thành Phật để nối ngôi vị. Sau khi Quán Âm nhập diệt, sẽ do Đại Thế Chí kế vị, Phật Phật tiếp nối chẳng gián đoạn. Trong thọ mạng dài đằng đặc như vậy, chẳng có một ai không “*viên mãn thành Phật, đạt được vô lượng thọ thật sự*”. Tây Phương thế giới quả thật khác với các thế giới khác. Những thế giới khác đều có một khoảng thời gian trước Phật hay sau Phật, thời gian rất dài. Chẳng hạn như Phật Thích Ca tại thế chỉ tám mươi năm, trong tương lai, Phật Di Lặc giảng sanh phải đợi tới năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Trong thời gian ấy, không có Phật trụ thế. Do đây, có thể thấy Tây Phương thế giới thù thắng. Trong Đại Kinh, Phật đã nói muốn thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, là vì tu hành trong thế giới này có thoái chuyển, tiến tiến, lùi lùi, tiến ít, lùi nhiều, cho nên khó thành tựu. Người Tây Phương thọ mạng lâu dài, lại không có duyên gây thoái chuyển nên tiến triển hết sức nhanh chóng. Kinh dạy: “*Chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ*” (Các thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ). “*Chư thượng thiện nhân*” đều là Đẳng Giác Bồ Tát, sau khi họ đã sanh về Tây Phương, trong mười kiếp bèn tu hành thành Phật. Trong các kinh điển khác, đức Phật chẳng nói như vậy.

“*Tam thân bất nhất, bất dị, Ứng Thân diệc khả tức thị vô lượng chi vô lượng hỹ*” (Ba thân chẳng một, chẳng khác, nên Ứng Thân cũng có thể là vô lượng trong

¹ Đây là vị thiện tri thức thứ 12 trong 53 vị thiện tri thức mà Thiện Tài đồng tử đến tham học. Vị này do tỳ-kheo Thiện Kiến giới thiệu. Khi Thiện Tài đồng tử đến tham học, Tụ Tại Chủ đồng tử đang cùng với mười ngàn đứa trẻ khác gom cát chơi giỡn bên bờ sông. Tụ Tại Chủ đồng tử dạy Thiện Tài pháp môn Nhất Thiết Công Xảo Đại Thân Thông Trí Quang Minh.

vô lượng vậy): Mấy câu này hết sức hay, đả phá sự chấp trước trên phương diện cảm tình của chúng ta. Ngài nói toàn là sự thật, cũng như trong phần trước đã nói, chúng ta thấy những người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong vòng mười kiếp đều có thể chứng được địa vị Đẳng Giác, tức là thật sự vô lượng, chứ không còn là “vô lượng trong hữu lượng” nữa. Điều này nói rõ, chúng ta sanh về Tây Phương [thì thọ mạng tuy nói là “vô lượng”, nhưng thật ra, vô lượng ấy] là vô lượng trong hữu lượng, nhưng chẳng bao lâu sẽ thật sự chứng được vô lượng trong vô lượng. Thế giới Tây Phương quả thật là một thế giới bình đẳng, từ Đẳng Giác trở xuống cho đến kẻ Hạ Hạ Phẩm vãng sanh hết thấy thọ dụng đều giống hệt như A Di Đà Phật.

(Giải) Đương trì quang thọ danh hiệu, giai bốn chúng sanh kiến lập. Dĩ sanh Phật bình đẳng, năng linh trì danh giả, quang minh, thọ mạng, đồng Phật vô dị dã. Phục thứ, do vô lượng quang nghĩa cố, chúng sanh sanh Cực Lạc, tức sanh thập phương. Kiến A Di Đà Phật, tức kiến thập phương chư Phật. Năng tự độ, tức phổ lợi nhất thiết. Do vô lượng thọ nghĩa cố, Cực Lạc nhân dân tức thị Nhất Sanh Bồ Xứ, giai định thử sanh thành Phật, bất chí dị sanh. Đương trì ly khước hiện tiền nhất niệm vô lượng quang thọ chi tâm, hà xứ hữu A Di Đà Phật danh hiệu? Nhi ly khước A Di Đà Phật danh hiệu, hà do triệt chứng hiện tiền nhất niệm vô lượng quang thọ chi tâm? Nguyên thâm tư chi, nguyên thâm tư chi.

(解)當知光壽名號。皆本眾生建立。以生佛平等。能令持名者。光明壽命。同佛無異也。復次由無量光義故。眾生生極樂。即生十方。見阿彌陀佛。即見十方諸佛。能自度。即普利一切。由無量壽義故。極樂人民。即是一生補處。皆定此生成佛。不至異生。當知離卻現前一念無量光壽之心。何處有阿彌陀佛名號。而離卻阿彌陀佛名號。何由徹證現前一念無量光壽之心。願深思之。願深思之。

(Giải:) Hãy nên biết danh hiệu quang thọ đều vốn vì chúng sanh mà kiến lập. Do chúng sanh và Phật bình đẳng nên có thể khiến cho quang minh và thọ mạng của người trì danh giống như Phật chẳng khác. Lại nữa, do ý nghĩa “vô lượng quang” mà chúng sanh sanh về Cực Lạc tức là sanh về mười phương, thấy A Di Đà Phật chính là thấy mười phương chư Phật. Có thể tự độ chính là lợi ích khắp hết thấy. Do ý nghĩa “vô lượng thọ” nên nhân dân trong cõi Cực Lạc chính là Nhất Sanh Bồ Xứ, đều nhất định thành Phật ngay trong đời này, chẳng đợi đến đời khác. Hãy nên biết: Lìa khỏi một niệm tâm vô lượng quang thọ thì danh hiệu A Di Đà Phật sẽ do đâu mà có? Nhưng lìa khỏi danh hiệu A Di Đà Phật thì còn có cách nào để chứng thấu triệt một niệm tâm vô lượng quang thọ? Xin hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa).

Ba đoạn khai thị tiếp theo chính là tri kiến chân thật rạng ngời của đại sư. Nếu chẳng thật sự có kiến địa đạt đến cảnh giới ấy, sẽ chẳng thể nào nói ra mấy câu này được! Tất cả danh tướng, thuật ngữ về quang minh, thọ mạng, đều nhằm phương tiện giáo hóa chúng sanh mà kiến lập những thứ giả danh ấy. Tuy là giả danh, nhưng chúng (danh tướng, thuật ngữ) phù hợp khít khao tình huống thực tế.

“*Sanh Phật bình đẳng*” (Chúng sanh và Phật bình đẳng): Trong thế giới này, về mặt Lý là bình đẳng, nhưng trên mặt Sự thì bất bình đẳng; tại Tây Phương thế giới, Sự lẫn Lý đều bình đẳng, nên có thể làm cho quang minh lẫn thọ mạng của người trì danh đều giống như Phật, chẳng khác! Hiện thời, chúng ta hiện tại còn chưa về Tây Phương, nhất tâm xưng danh liền tương ứng với Phật. Niệm Phật là tạo cái nhân, sanh về Tây Phương là quả báo. Trong một câu Phật hiệu, người niệm Phật ắt phải dùng lòng tin chân thật, nguyện thiết tha để trì danh thì mới có thể tương ứng. Hễ tương ứng sẽ có thể tiếp nhận sự cảm ứng quang minh và thọ mạng của Phật. Lúc vãng sanh là ra đi ngay trong khi đang còn sống, chứ không phải là chết rồi mới vãng sanh. Thấy Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi, đây là pháp môn thành tựu ngay trong đời này. Tôi thường nói “đây là pháp môn bất tử”. Đã đến Tây Phương rồi sẽ thành Phật trong một đời, đây chính là “thành Phật ngay trong một đời này!”

Sanh về Tây Phương thế giới giống như sanh về hết thảy các cõi nước Phật trong mười phương, thấy A Di Đà Phật giống như thấy mười phương hết thảy chư Phật. Trong các kinh điển khác, đức Phật chưa hề nói đến sự thật này.

“*Năng tự độ, tức phổ lợi nhất thiết*” (Có thể tự độ chính là lợi khắp hết thảy): “*Tự độ*” chính là niệm Phật vãng sanh. Sau khi sanh về Tây Phương, trọn đủ vô lượng trí huệ, đức năng, nhớ được người nhà quyến thuộc trong đời đời kiếp kiếp, siêu độ cha mẹ chính là đại hiếu trong thế gian. Chính mình vãng sanh, cha mẹ trong đời trước bất luận đang ở đường nào đều có thể trông thấy, cũng là cơ duyên tốt đẹp trọn hết lòng hiếu thảo đối với cha mẹ vậy.

Quả vị tối cao của Bồ Tát là Nhất Sanh Bồ Xứ. Pháp môn này là pháp môn thành tựu ngay trong đời này, chẳng cần đến đời thứ hai. Trong những pháp môn khác, để thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng biết là phải trải qua bao nhiêu sanh tử luân hồi. Đức Phật nói Tiều Thừa Sơ Quả cần phải bảy lần sanh trong cõi trời và nhân gian mới chứng được quả A La Hán. Sau khi đến được Tây Phương thì trong một đời chứng được Đẳng Giác và Diệu Giác. Có nhiều vị cổ đức tại gia và xuất gia, Tông Môn, Giáo Hạ, sau khi đã hiểu rõ pháp môn này thì không vị nào chẳng chuyên tu, chuyên hoằng truyền.

Lời khai thị cuối cùng [trong đoạn này] lại dẫn về tâm tánh, khuyên chúng ta hãy suy nghĩ cặn kẽ: A Di Đà Phật chứng thấu triệt chân tâm bản tánh của vô lượng quang thọ, lập ra danh hiệu A Di Đà Phật. ***A Di Đà Phật chính là danh xưng vô lượng quang thọ của Chân Như bản tánh.*** Do vậy, nói: “*Rời khỏi Chân Như bản tánh thì danh hiệu chẳng còn tồn tại*”. Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Quang Phật, A Di Đà Phật đều là danh hiệu của Chân Như bản tánh. Danh ắt phải

có Thực, [tức là] có một thực thể tồn tại. Lìa khỏi tâm tánh sẽ chẳng có danh hiệu; lìa khỏi danh hiệu thì làm sao có thể chứng thấu triệt Chân Như bản tánh vô lượng quang thọ? Điều này nêu rõ Danh và Thực là một Thể, Danh là tên gọi của tâm tánh, tâm tánh là tâm tánh của cái Danh, là một, chẳng phải hai. Đây mới là thật sự hiểu rõ vì sao phải niệm Phật. Tuy nó (tức Chân Như bản tánh) có vô lượng quang thọ, nhưng chúng ta chẳng thể thụ dụng được. Niệm một tiếng thì vô lượng quang thọ trong Chân Như bản tánh giống như tia chớp nháng lên một lần. Niệm một tiếng, nó liền lộ ra một lần, niệm hai tiếng bèn chớp nháng hai lần. Không niệm sẽ chẳng có ánh sáng gì! Do vậy, cổ đại đức dạy chúng ta “*tịnh niệm tiếp nối*” ắt sẽ cảm ứng đạo giao với A Di Đà Phật. Ngẫu Ích đại sư lại khuyên lơn, khích lệ chúng ta hãy suy nghĩ sâu xa.

(Kinh) Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.

(Giải) Thử minh Cực Lạc thế giới giáo chủ thành tựu dã. Nhiên Pháp Thân vô thành, vô bất thành, bất ưng luận kiếp. Báo Thân nhân viên quả mãn, danh Thành. Ứng Thân vị vật thị sanh, danh Thành, giai khả luận kiếp. Hựu, Pháp Thân nhân Tu Đức hiển, diệc khả luận thành, luận kiếp. Báo Thân biệt vô tân đắc, Ứng Thân như nguyệt ấn xuyên, diệc vô thành, bất thành, bất ưng luận kiếp.

(經) 舍利弗。阿彌陀佛成佛已來。於今十劫。

(解) 此明極樂世界教主成就也。然法身無成無不成。不應論劫。報身因圓果滿名成。應身為物示生名成。皆可論劫。又。法身因修德顯。亦可論成論劫。報身別無新得。應身如月印川。亦無成不成。不應論劫。

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã mười kiếp.

Giải: Điều này nói về sự thành tựu của bậc giáo chủ trong thế giới Cực Lạc; nhưng Pháp Thân chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận đến kiếp số. Báo Thân nhân tròn quả vẹn, nên gọi là “thành”. Ứng Thân do chúng sanh mà thị hiện giáng sanh nên gọi là “thành”, đều có thể luận định kiếp số. Lại nữa, Pháp Thân do Tu Đức mà hiển lộ nên cũng có thể luận định “thành” và kiếp số. Báo Thân chẳng phải là mới đạt được. Ứng Thân như mặt trăng in bóng trên sông nên cũng chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận định kiếp số).

Nói theo Tây Phương thế giới thì mười kiếp rất ngắn, có vô lượng vô biên thành tựu chẳng thể nghĩ bàn, y báo và chánh báo trang nghiêm chẳng cần phải nói nữa! Người đời nghiệp vãng sanh từ mười phương thế giới đều chứng được quả vị Đẳng Giác Bồ Tát, thật là chẳng thể nghĩ bàn! Pháp Thân không có khởi đầu, không có kết thúc, không thêm gì vào được, vì nó là bản thể của Chân Như bản tánh nên không có “thành” hay “chẳng thành”. “*Báo Thân nhân viên quả mãn, danh thành*” (Báo Thân nhân tròn quả vẹn, nên gọi là “thành”): Hai thứ chấp

trước Nhân Ngã và Pháp Ngã đều hết, ba thứ phiền não, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh, cũng đoạn sạch. Phật quả trong Viên Giáo cũng viên mãn, nên gọi là “thành tựu”, thành tựu ý nói “*thành Phật*”.

“*Ứng Thân vị vật thị sanh danh thành, giai khả luận kiếp*” (Ứng Thân do chúng sanh mà thị hiện giáng sanh nên gọi là “thành”, đều có thể luận định kiếp số): Chữ “*vật*” (物) chỉ hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới, vì hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới mà thị hiện xuất sanh. Thọ mạng của Ứng Thân do duyên của chúng sanh mà kiến lập, duyên hết, Phật bèn thị hiện diệt độ, nên thọ mạng của Ứng Thân có thể nói đến số lượng. “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (Người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên). “*Viên*” có nghĩa là liễu giải viên mãn chân tướng sự thật; cho nên bất luận người ấy thuyết pháp như thế nào, những lời người ấy nói đều là chân tướng sự thật. Pháp Thân ai nấy đều có, nhưng chưa có Tu Đức thì Pháp Thân chẳng thể hiện tiền. Kinh Đại Thừa nói: “*Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”, cũng có thể nói là “*thành*” hoặc luận định thời gian. Trong đoạn trước [nói “*Pháp Thân không có thành hay chẳng thành*”] là luận theo thể tánh, còn ở đây là nói theo phương diện tu hành thành tựu. Báo Thân cũng là sẵn có, Báo Thân là vô lượng trí huệ và đức năng sẵn có trong bản tánh, không thể nói là “*thành*” hay “*chẳng thành*”. Ứng Thân giống như bóng trăng trong nước, như là Phật sự nơi đạo tràng trong mộng, “*như nguyệt ấn xuyên*” (như trăng in bóng trên sông), tức là bóng trăng trong nước, chẳng có thật, hoàn toàn tương phản với những điều vừa nói trong phần trước. Trong phần trước là dựa trên Sự để luận định tam thân, ở đây là dựa theo Lý để luận định tam thân.

(Giải) Dẫn chư Phật thành đạo, các hữu Bản, Tích. Bản địa tịnh bất khả trắc. Thả ước Cực Lạc thị thành chi Tích nhi ngôn, tức thị tam thân, nhất thành, nhất thiết thành. Diệc thị phi thành, phi bất thành, nhi luận thành dã. Hựu, Phật thọ vô lượng, kim cần thập kiếp, tức hiện tại thuyết pháp, thời chánh vị vọng, phổ khuyến tam thế chúng sanh, tốc cầu vãng sanh, đồng Phật thọ mạng, nhất sanh thành biện dã. Hựu, hạ văn vô số Thanh Văn, Bồ Tát, cập dĩ Bồ Xứ, giai thập kiếp sở thành tựu, chánh hiển thập phương tam thế, vãng sanh Bất Thoái giả, đa thử dị dã.

(解)但諸佛成道。各有本跡。本地並不可測。且約極樂示成之跡而言。即是三身。一成一切成。亦是非成非不成而論成也。又。佛壽無量。今僅十劫。則現在說法。時正未央。普勸三世眾生。速求往生。同佛壽命。一生成辦也。又。下文無數聲聞菩薩。及與補處。皆十劫所成就。正顯十方三世。往生不退者。多且易也。

(Giải: Nhưng chư Phật thành đạo, mỗi vị đều có Bản và Tích. Bản địa trọn chẳng thể suy lường được. Lại ước theo sự thị hiện thành Phật nơi Tích môn trong cõi Cực Lạc mà nói thì đối với tam thân, hễ thành được một thì hết thấy đều

thành. Cũng có nghĩa là “chẳng phải thành, chẳng phải không thành”, nhưng lại luận định về sự “thành Phật”. Hơn nữa, Phật thọ vô lượng, nay [A Di Đà Phật] mới chỉ [thành Phật] mười kiếp, tức là Ngài đang thuyết pháp trong hiện tại, thời gian đức Phật còn tại thế chưa hết, khuyên khắp các chúng sanh trong ba đời hãy mau cầu vãng sanh để có thọ mạng giống hết như Phật, hoàn thành sự tu học chỉ trong một đời. Hơn nữa, trong đoạn kinh văn phía sau có nói vô số Thanh Văn, Bồ Tát và Bồ Xứ đều thành tựu trong mười kiếp, chỉ rõ những người vãng sanh [chứng đắc] Bất Thoái trong mười phương ba đời đã nhiều lại còn dễ dàng).

A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã là mười kiếp. Theo bản dịch của ngài Huyền Trang là “mười đại kiếp”. Mười phương chư Phật thành đạo đều có Bản và đều có Tích. Bản (本) là chúng quả đầu tiên, Tích (跡) là vì hóa độ chúng sanh mà thị hiện xuất sanh, thì gọi là Tích. Chẳng hạn như vào ba ngàn năm trước, Phật Thích Ca giáng sanh, thị hiện thành Phật tại Ấn Độ là Tích. Trong một đêm nọ, Ngài thấy sao Mai, ngộ đạo thành Phật là biểu diễn, chẳng phải là “thật” (chẳng phải là thật sự đến khi ấy Ngài mới thành Phật). Kinh Pháp Hoa có nói đức Phật đã thành Phật trong nhiều kiếp lâu xa trước kia. Kinh Phạm Võng nói đây là lần thứ tám ngàn Ngài đến thế giới này thị hiện thành Phật. Do vậy, Bản của Phật quả thật chẳng thể nghĩ bàn, không cách nào suy lường được. A Di Đà Phật cũng giống như thế, Ngài thành Phật tại Tây Phương thế giới cũng là thị hiện xuất sanh. Nếu luận về Bản thì như trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nói: Trong vô lượng kiếp trước, Phật Thích Ca và Phật Di Đà là đồng tham đạo hữu, là anh em. A Di Đà Phật thị hiện thành Phật tại Tây Phương thế giới mới mười kiếp, đây là Tích của A Di Đà Phật, chứ không phải Bản, Bản chẳng có [thị hiện nhập] Niết Bàn. [Thân Phật] trong Tây Phương thế giới là Ứng Thân. Nguyên lực của Phật rộng sâu chẳng thể nghĩ bàn, Ngài có thể trụ thế trong một thời gian dài như thế cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta đến Tây Phương tu hành thành Phật là Bản, A Di Đà Phật thị hiện làm Bản thay cho chúng ta. Trong tương lai, chúng ta đến các thế giới phương khác làm Phật, thị hiện xuất sanh là Tích. A Di Đà Phật thị hiện thành Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là Tích, chứ không phải Bản. Thành Phật, tuy thị hiện, là Tích, nhưng cũng là một mà ba, tuy ba mà một. “*Nhất thành, nhất thiết thành, diệt thị phi thành, phi bất thành*” (hễ thành được một thì hết thấy đều thành, mà cũng chẳng phải là thành hay chẳng thành). Đối với ý nghĩa của hai câu này, chúng ta nghĩ đến những điều đã nói trong phần trước thì sẽ thấu hiểu. Nói “*ba thân hễ thành tựu một thì hết thấy sẽ thành tựu*” là nói theo mặt Sự, lại nói “*chẳng thành, chẳng không thành*” là nói theo mặt Lý.

“*Kim căn thập kiếp, tác hiện tại thuyết pháp, thời chánh vị vương*” (Nay chỉ mới mười kiếp tức là đang thuyết pháp trong hiện tại, thời gian Phật tại thế còn chưa hết): “*Vị vương*” có nghĩa là “chưa xong”. Chẳng những là chưa xong mà còn là rất sớm. A Di Đà Phật có vô lượng thọ, đến nay chỉ mới mười kiếp thì thời gian mai sau còn rất dài; ngày nay chúng ta sanh về Tây Phương, trong tương lai đều thuộc tầng lớp nguyên lão. Do vậy, ở đây đại sư khuyên chúng sanh trong ba đời hãy mau cầu vãng sanh, để có thọ mạng giống hết như Phật, thành tựu hoàn toàn

ngay trong một đời. Đồng thời, đại sư cũng thay mặt mười phương hết thầy chư Phật khác miệng cùng tiếng khuyên dạy chúng ta. Hiện thời, chúng ta đã gieo hạt giống thành Phật, tương lai nhất định sẽ tới được [Cực Lạc], không còn nghi ngờ gì; nhưng phải đặc biệt lưu tâm, chớ nên coi thường, vạn nhất tu không tốt đẹp, hễ đánh mất thân người, không biết đến đời nào trong tương lai mới lại gặp Phật pháp, khó thể dự đoán được. Dầu có gặp gỡ, rất có thể là ta chẳng tin tưởng, chẳng tiếp nhận thì cũng không thể nào nắm chắc [sẽ vãng sanh]!

Đức Phật ba lượt chuyển pháp luân là Thị Chuyển, Khuyên Chuyển và Tác Chứng Chuyển². Đoạn kinh văn tiếp theo là Tác Chứng (làm chứng), trong mười kiếp mà đã có vô số Thanh Văn, Bồ Tát và Bồ Xứ Bồ Tát, các vị thượng thiện nhân vô lượng vô biên, chúng tỏ số người vãng sanh trong mười phương ba đời chẳng thể tính đếm được.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri. Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị.

(經)又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆阿羅漢。非是算數之所能知。諸菩薩衆。亦復如是。

(Chánh kinh: Lại này, Xá Lợi Phát! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, đều là A La Hán, chẳng thể dùng toán số để biết được. Các hàng Bồ Tát cũng giống như vậy).

Đoạn kinh văn này nói đến học trò của A Di Đà Phật trong Tây Phương thế giới, cũng như nói đến số người vãng sanh Tây Phương và sự thành tựu của họ trong mười kiếp. Tây Phương thuần thuộc Đại Thừa, tuyệt đối không có Thanh Văn, Duyên Giác. Chẳng những là Đại Thừa mà còn đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Trong kinh, đức Phật nói: Bồ Tát nếu chẳng tuân tu hạnh Phổ Hiền sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Hết thầy những người vãng sanh Tây Phương đều tu theo phẩm đức của Phổ Hiền Đại Sĩ. Dựa theo hạnh của hàng Bồ Tát trong Viên Giáo để nói thì từ địa vị Sơ Tín cho đến Đẳng Giác gồm năm mươi một địa vị, đều là Phổ Hiền Bồ Tát³. Kinh này nói tới trời, người, A La Hán, Bồ Tát, đều là thuận theo phương khác mà nói. Nếu người đời nghiệp vãng sanh về Tây Phương

² Đây là cách phân định giáo pháp theo cách thức hóa độ, thường gọi là Tam Chuyển Pháp Luân. Thị Chuyển là hóa độ bằng cách chỉ dạy pháp môn, phương pháp, lý luận, đường lối tu hành. Khuyên Chuyển là hóa độ bằng cách khuyên răn. Tác Chứng Chuyển là nêu những gương đã chứng ngộ hay những vị đệ tử, Bồ Tát đã chứng ngộ sẽ tự đến làm chứng trong pháp hội; chẳng hạn trong hội Hoa Nghiêm, đối với mỗi một địa vị Bồ Tát sẽ có một vị Bồ Tát làm Thượng Thủ diễn nói cảnh giới và công hạnh tu chứng trong địa vị ấy.

³ Theo Thanh Lương Sớ có ba loại Phổ Hiền Bồ Tát: Một là Vị Tiên (phát tâm Phổ Hiền), hai là Vị Trung (Đẳng Giác Bồ Tát), ba là Vị Hậu Phổ Hiền (đắc quả nhưng chẳng xả nhân hạnh, tức là đã thành Phật, nhưng chẳng bỏ hạnh khi còn tu nhân). Do các vị Pháp Thân đại sĩ đều tuân tu phẩm đức của Phổ Hiền Bồ Tát, đều cùng thực hiện hạnh Phổ Hiền nên đều được gọi bằng danh xưng chung là Phổ Hiền Bồ Tát.

thế giới mà giống như người trong thế giới phương khác, chưa đoạn phiền não, chỉ có thể coi giống như những người từ địa vị Lục Tín trong Viên Giáo trở xuống thì dùng danh xưng “*nhân thiên*” để hình dung bọn họ. Những ai đã đoạn được Kiến Tư phiền não, đạt đến địa vị Thất Tín, Bát Tín, giống như các vị A La Hán trong những thế giới ở phương khác [thì gọi họ là A La Hán], chứ thật ra họ đều là Phổ Hiền Bồ Tát.

Ba bậc chín phẩm trong bốn cõi Tây Phương và sanh về Tây Phương có mối quan hệ trước sau. Những người đã sớm sanh về Tây Phương thì có thể là đã chứng được địa vị A Bệ Bạt Trí, tức là Bồ Xứ Bồ Tát. Những người sanh sau là Pháp Thân đại sĩ. Những người sanh sau đó nữa (tức những người vãng sanh sau những người đã chứng vị Pháp Thân đại sĩ) cũng chứng A La Hán, đã đoạn Kiến Tư phiền não. Đây hoàn toàn là sự thành tựu trong vòng mười kiếp. Do đây có thể đoán định: Tu hành tại Tây Phương, do không có duyên thoái chuyển, chẳng cần phải tốn một thời gian rất dài, tối đa là mười kiếp có thể tu đến địa vị Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác cũng giống như thành Phật.

(Giải) Tha phương định tánh Nhị Thừa, bất đắc sanh bỉ. Nhược tiên tập tiểu hạnh, lâm chung hồi hướng Bồ Đề, phát đại thệ nguyện giả, sanh bỉ quốc dĩ, Phật thuận cơ thuyết pháp, linh đoạn Kiến Tư. Cổ danh La Hán. Như Biệt Giáo Thất Trụ, đoạn Kiến Tư chi loại, phi thật Thanh Văn dã. Cái Tạng Thông nhị giáo, bất văn tha phương Phật danh, kim văn Di Đà danh hiệu, tín nguyện vãng sanh, tổng thuộc Biệt Viên nhị giáo sở nhiếp cơ hỷ.

(解)他方定性二乘。不得生彼。若先習小行。臨終回向善提。發大誓願者。生彼國已。佛順機說法。令斷見思。故名羅漢。如別教七住。斷見思之類。非實聲聞也。蓋藏通二教。不聞他方佛名。今聞彌陀名號。信願往生。總屬別圓二教所攝機矣。

(Giải: Hàng định tánh Nhị Thừa trong phương khác chẳng được sanh về cõi ấy. Nếu là người tu tập hạnh Tiểu Thừa từ trước, khi lâm chung hướng về Bồ Đề, phát ra thệ nguyện lớn, sẽ sanh về cõi ấy. Phật liền thuận theo căn cơ để thuyết pháp, khiến họ đoạn Kiến Hoặc, Tư Hoặc, nên gọi là La Hán, giống như bậc Thất Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo đoạn được Kiến Hoặc, Tư Hoặc, chứ không phải là Thanh Văn thật sự. Bởi lẽ, trong Tạng Giáo và Thông Giáo, không nghe đến danh hiệu chư Phật ở phương khác. Nay [những người] nghe danh hiệu Di Đà, tín nguyện vãng sanh, nói chung đều thuộc về căn cơ được thấu nhiếp bởi hai giáo là Biệt và Viên vậy).

Đệ tử Thanh Văn trong thế giới Tây Phương đều là giả nói. Nếu họ thật sự mang căn tánh Tiểu Thừa (định tánh Tiểu Thừa) sẽ chẳng thể vãng sanh thế giới Cực Lạc! Căn tánh Tiểu Thừa mà nếu hồi Tiểu hướng Đại thì cũng có thể thành tựu. Nói theo cách bây giờ, họ đều là những người theo phái bảo thủ trong nhà Phật. Họ chỉ thừa nhận một mình Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, trọn chẳng

thừa nhận vô lượng chư Phật trong mười phương thế giới, địa vị tu hành cao nhất chỉ đạt đến A La Hán. Ở Thái Lan, tượng Phật rất nhiều, nhưng đều là tượng Thích Ca Mâu Ni Phật, không có vị Phật thứ hai nào. Họ còn bài xích Đại Thừa, cho rằng Đại Thừa chẳng phải do Phật nói. Họ hoàn toàn chẳng tin Tây Phương có A Di Đà Phật. Nếu họ có thể tin tưởng, phát thệ nguyện lớn, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì cũng có thể thỏa nguyện sanh Tây. Phật cũng thuận theo sở học của họ trong quá khứ để ứng theo căn cơ mà thuyết pháp, khiến họ đoạn Kiến Tư phiền não, giống như bậc A La Hán trong các thế giới phương khác.

Người Tiểu Thừa sanh về Tây Phương đều là Bồ Tát, lại còn đều là A Bệ Bạt Trí, là Bồ Tát chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Tạng Giáo và Thông Giáo chẳng nghe danh hiệu Phật trong các phương khác; nay những ai nghe danh hiệu Di Đà, tín nguyện vãng sanh, nói chung đều thuộc về Biệt Giáo và Viên Giáo. Tiểu Thừa hề quay đầu, thật sự phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì họ chẳng thuộc căn tánh Tạng Giáo hay Thông Giáo. Nếu chẳng phải là căn tánh Viên Giáo thì tối thiểu cũng là căn tánh Biệt Giáo. Kinh Vô Lượng Thọ tán thán bậc Bồ Tát trong Tây Phương thế giới có trọn đủ vô lượng công đức, từng nêu ra hai mươi ba tỷ dụ, như “*trí huệ rộng sâu như biển cả, tam-muội bất động như núi Tu Di*” v.v.... Đây đều chẳng phải là những thứ mà Tạng Giáo hay Thông Giáo Bồ Tát có được. Hễ ai đời nghiệp vãng sanh Tây Phương thì cũng được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì; đồng thời lại được đại chúng đồng tu bạn lữ gia trì. Mỗi một vị Bồ Tát trong Tây Phương thế giới đều yêu mến, bảo vệ mỗi vị Bồ Tát mới sanh về, gia trì vị ấy.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(經) 舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó)

Đoạn kinh văn tổng kết này giống như đoạn trước, chỉ có ý nghĩa khác nhau. Đoạn trước nói về sự trang nghiêm nơi y báo, còn đoạn này nói về sự trang nghiêm nơi chánh báo. Vì sao chúng ta hạ đại quyết tâm và nguyện vọng kiên cường như vậy? Chính là vì thành tựu trang nghiêm nơi chủ và bạn được nói ở đây. Thành quả thực tế được phơi bày trước mắt chúng ta, thành tích chính là những người từ mười phương thế giới vãng sanh Cực Lạc trong vòng mười kiếp liền có thể chứng được địa vị Bồ Xứ Bồ Tát. Trong các thế giới khác chẳng có chuyện này! Đức Phật nói: Tu hành trong thế giới Sa Bà bắt đầu từ khi chúng được Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới của Kiến Tư phiền não, bắt đầu từ ngày hôm ấy, tu hết một A-tăng-kỳ kiếp mới chứng được quả vị Tam Hiền, tu hết một A-tăng-kỳ kiếp thứ hai mới có thể chứng đến quả vị Thất Địa, tu hết một A-tăng-kỳ kiếp thứ ba mới chứng được quả vị Pháp Vân Địa (Thập Địa), lên cao hơn nữa là Đẳng Giác. Tu trọn ba A-tăng-kỳ kiếp thì mới có thể đạt

đến địa vị ấy, còn Tây Phương thế giới chỉ cần mười kiếp, trong một đời liền đạt được, chẳng cần phải đợi đến đời thứ hai. Đây chính là “*thành tựu như thị công đức trang nghiêm*” (thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó).

(Giải) Phật cập Thanh Văn, Bồ Tát, tịnh thị Di Đà nhân trung, nguyện hạnh sở thành, diệc thị quả thượng “nhất thành, nhất thiết thành”. Thị tắc Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, các các phi tự, phi tha, tự tha bất nhị. Cố vân “thành tựu như thị công đức trang nghiêm”, năng linh tín nguyện trì danh giả, niệm niệm diệc như thị thành tựu dã. Sơ quảng trần bỉ độ y chánh diệu quả dĩ khai tín cánh.

(解)佛及聲聞菩薩。並是彌陀因中。願行所成。亦是果上一成一切成。是則佛。菩薩。聲聞。各各非自非他。自他不二。故云成就如是功德莊嚴。能令信願持名者。念念亦如是成就也。初廣陳彼土依正妙果以啟信竟。

(Giải: Phật và Thanh Văn, Bồ Tát, hoàn toàn là do nguyện hạnh của Phật Di Đà trong lúc tu nhân tạo thành, mà cũng là “một thành thì hết thảy thành” nơi quả vị. Tức là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, mỗi mỗi đều chẳng phải Tự, chẳng phải Tha, Tự và Tha chẳng hai. Vì thế nói “thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó”, có thể khiến cho người tín nguyện trì danh niệm niệm cũng thành tựu như vậy. Phần thứ nhất [trong Chánh Tông Phần], nói rộng về diệu quả y báo và chánh báo nhằm khơi gợi lòng tin đã xong).

[Trong đoạn văn chú giải trên đây], “*Phật*” chính là A Di Đà Phật, “*Thanh Văn, Bồ Tát*” là người vãng sanh từ mười phương thế giới, họ đều được thành tựu bởi bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát thệ trong khi Ngài tu nhân. Nhân dân trong thế gian trên từ bậc Đẳng Giác, dưới cho đến chúng sanh địa ngục, hễ có thể tin, có thể nguyện, chịu niệm Phật thì Phật đều tiếp dẫn họ về thế giới Cực Lạc, đến Tây Phương đều được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đạt được thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, nói theo mặt quả thì “*một thành, hết thảy đều thành*”, “*một thành*” là Phật, “*hết thảy thành*” là đại chúng.

“*Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, các các phi tự phi tha*” (Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, mỗi mỗi đều chẳng phải Tự, chẳng phải Tha), với trí huệ, kiến thức thông thường của chúng ta trong hiện thời sẽ khó thể thấu hiểu điều này, còn bậc Bồ Tát minh tâm kiến tánh có thể hiểu được, đợi đến khi chúng ta sanh về Tây Phương rồi, sẽ nhận biết những lời này đều là sự thật. Hết thảy chư Phật, hết thảy chúng sanh, sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo đều là những vật được biến hiện bởi tự tánh. Luận theo tự tánh thì nói là “*phi Tha*” (chẳng khác), luận theo Tướng mà nói thì là “*phi Tự*”. Quán sát theo hai mặt Tánh và Tướng thì Tánh là nhất thể, ta và A Di Đà Phật là một, nên “*phi Tha*”. Nói theo mặt Tướng thì A Di Đà Phật chẳng phải là ta, tức là “*phi Tự*”. Phật thì tánh đức hoàn toàn lưu lộ,

chúng ta thì tánh đức bị phiền não che lấp. Tự và Tha không hai, Tánh và Tướng như một. Nếu thật sự thông đạt đạo lý và sự thật này, sẽ có thể biến công đức đã tu trong vô lượng kiếp của A Di Đà Phật thành công đức của chính chúng ta vì Tự và Tha chẳng hai. Ta tu hành mấy ngày, liền có công đức bằng với A Di Đà Phật tu hành trong vô lượng kiếp. Phương pháp chính là dùng tín nguyện trì danh, lòng tin phải chân thật, nguyện phải thiết tha. Trong kinh, đức Thế Tôn thường nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Năng niệm (chủ thể niệm Phật) là cái tâm của ta, sở niệm (đối tượng được niệm) là A Di Đà Phật. Hiểu rõ lý luận và sự thật thì cũng sẽ biết phương pháp chuyển biến; nhân duyên đầy đủ, chịu thực hiện [phương pháp tu tập ấy] thì chính là phước đức bậc nhất và thiện căn bậc nhất trong thế gian lần xuất thế gian.

4.2.2. Riêng khuyên chúng sanh hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh

(Giải) Tịnh Độ thù thắng vị đời nghiệp vãng sanh. Hoàn xuất tam giới, Đồng Cư hoành cụ Tứ Độ, khai hiển Tứ Giáo pháp luân. Chúng sanh viên tịnh tứ độ, viên kiến tam thân, viên chứng tam Bất Thoái. Nhân dân giai nhất sanh thành Phật. Như thị đẳng thắng dị siêu tuyệt, toàn tại thử nhị khoa điểm thị. Tu để nghiên chi.

(解)淨土殊勝謂帶業往生。橫出三界。同居橫具四土。開顯四教法輪。眾生圓淨四土。圓見三身。圓證三不退。人民皆一生成佛。如是等勝異超絕。全在此二科點示。須諦研之。

(Giải: Tịnh Độ thù thắng là do đời nghiệp vãng sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, cõi Đồng Cư theo chiều ngang trọn đủ bốn cõi [Tịnh Độ], khai hiển pháp luân tứ giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), chúng sanh thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, thấy trọn vẹn ba thân, chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Nhân dân đều thành Phật trong một đời. Những sự thù thắng, lạ lùng, siêu việt, tuyệt diệu như thế, hoàn toàn được chỉ bày trong hai khoa này, hãy nên nghiên cứu kỹ lưỡng).

Đoạn văn chú giải này nhằm khuyên phát nguyện, khuyên hành trì. Đại sư nói Tịnh Độ thù thắng là vì “*đời nghiệp vãng sanh, hoàn xuất tam giới*” (đời nghiệp vãng sanh, vượt tam giới theo chiều ngang”. Nói thông thường, phải đoạn hết Kiến Hoặc, Tư Hoặc, chứng quả A La Hán của Tiểu Thừa, hoặc chứng địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Đại Thừa, hoặc Thất Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo mới có thể vượt thoát luân hồi. Trong đời này, chưa có một ai có thể làm được. Lão pháp sư Đàm Hư đã nói suốt cả đời Ngài đã thấy có người tham Thiền đắc Thiền Định, nhưng chưa thấy một ai khai ngộ. Tham Thiền chẳng khai ngộ sẽ chẳng thể thoát khỏi tam giới. Đắc Thiền Định bất quá là sanh lên Tứ Thiên Thiên mà thôi! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: Tại Đại Lục, gần bốn mươi năm qua, trong mười ức người học Mật Tông, người học Mật đạt thành tựu chỉ có sáu người, tỷ lệ chẳng

cân xứng! Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đối với Thiên, Mật, Giáo đều có nghiên cứu, tới tuổi già Ngài buông hết thầy xuống, Phật hiệu chẳng rời miệng, râu chuôi chẳng rời tay, người ta nói Ngài mê man trong Phật hiệu, ai nói gì cũng chẳng nghe tiếng, đúng là một tấm gương tốt đẹp.

Thế giới Tây Phương chẳng phải chỉ [thù thắng ở chỗ] “*đời nghiệp liền có thể vãng sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang*”, mà còn [thù thắng ở chỗ]: Tuy sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng ba cõi kia như Phương Tiện, Thật Báo và Tịch Quang cũng đồng thời sanh về, vì bốn cõi được xếp theo chiều ngang. Cõi Phương Tiện là chỗ ở của bậc đã đoạn sạch phiền não. Cõi Thật Báo là chỗ ở của bậc Pháp Thân đại sĩ, cõi Tịch Quang thuộc quả địa Như Lai. Chúng ta đời nghiệp vãng sanh, một phẩm phiền não chưa đoạn, làm sao có thể trong một đời liền thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi? Đây đều là do bốn nguyện và công đức của A Di Đà Phật gia trì mà thành.

“*Khai hiển tứ giáo pháp luân*”: Sanh về Tây Phương, hết thầy pháp môn đều nghe được, học được. [Hành nhân Tịnh Độ] biết sự thật này, hãy nên buông xuống hết thầy kinh luận. Tây Phương có A Di Đà Phật là thầy, chư đại Bồ Tát là đồng tham đạo hữu, hoàn cảnh ưu việt, học ắt sẽ thành, sao lại khổ sở truy cầu trong cõi này? Dầu có thời gian đọc những đại kinh, đại luận ấy, có thật sự hiểu hay chẳng? Bài kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Thầy Lý nói: “*Các vị đều chẳng hiểu ý nghĩa của chữ Ngã thì làm sao hiểu được ý nghĩa của Phật?*” Đây là lời thật. Tôi khuyên đại chúng tụng kinh Vô Lượng Thọ, trước hết tụng ba ngàn biến, mỗi ngày ba biến, tụng ba năm tâm sẽ định. Khi tụng, tâm phải chuyên, phải định, những kinh điển khác nhất loạt buông xuống. Kinh Vô Lượng Thọ giảng tường tận hơn kinh A Di Đà. Kinh Di Đà lời lẽ đơn giản, ý nghĩa bao trùm, chẳng dễ gì hiểu được. Kinh Vô Lượng Thọ có thể giúp chúng ta kiến lập tín tâm. Gần ba năm nay, tôi hoàn toàn dốc sức nơi kinh Vô Lượng Thọ. Chẳng phải chỉ miệng niệm, mà còn phải thời thời khắc khắc ghi nhớ những giáo huấn trong kinh, biến thành tư tưởng, hành vi của chính mình. Tụng càng nhiều, lãnh hội càng sâu càng rộng. Những nghĩa lý trong kinh chẳng có cùng tận, quý vị dùng hết thời gian suốt một đời để niệm bộ kinh này thì những nghĩa lý trong ấy đều không cùng tận. Dùng kinh này để khơi gợi và cũng dùng nó để đặt vững cơ sở cho ba món tư lương. “*Tứ giáo pháp luân*” chính là xiển dương rộng rãi kinh Vô Lượng Thọ.

“*Chúng sanh viên tịnh tứ độ*” (chúng sanh thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ): So với câu “*hoành cụ tứ độ*” (trọn đủ bốn cõi theo chiều ngang) trong phần trước, câu này càng cao sâu hơn. “*Viên tịnh tứ độ*” tối thiểu cũng phải là cảnh giới của Đẳng Giác Bồ Tát. Viên mãn không thiếu khuyết là Nhất Sanh Bồ Xứ như trong kinh đã nói. Hai chữ “*nhất sanh*” này được dùng theo lối song quan⁴, Nhất Sanh là chẳng đời đến đời thứ hai, Nhất Sanh lại có nghĩa là hễ sanh về Tây Phương liền viên tịnh bốn cõi, thấy trọn vẹn ba thân, chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Giảng giải theo cách này thì hợp lý, vì có kinh văn để chứng minh, tức câu

⁴ “Song quan” ở đây có nghĩa là lối nói bao hàm ý nghĩa kép.

“*chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí*” (Chúng sanh sanh trong cõi ấy đều là bậc A Bệ Bạt Trí) và “*đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (được cùng với các vị thượng thiện nhân như thế tụ hội một chỗ). Chữ “*thượng thiện*” chỉ hàng Đẳng Giác Bồ Tát, những người kém hơn gọi là “*thiện nhân*”. Tây Phương thế giới là chỗ các vị thượng thiện nhân tụ hội. Đức Phật giới thiệu pháp môn này tường tận và thấu triệt như thế, nếu nghe xong mà vẫn chẳng tin, tức là thiện căn, phước đức chẳng đủ, nghiệp chướng sâu nặng, hãy nên suy sâu nghĩ chín. Hai đoạn kinh văn tiếp theo đây nói rõ vãng sanh như thế nào, được vãng sanh hay không hết sức quan trọng, mong hãy đặc biệt chú ý.

(Kinh) *Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí. Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, dẫn khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết.*

(經)又舍利弗。極樂國土。眾生者。皆是阿鞞跋致。其中多有一生補處。其數甚多。非是算數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。

(Giải: *Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh sanh về cõi nước Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí, trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, chẳng thể tính toán để biết được số lượng, chỉ có thể nói là vô lượng, vô biên, A-tăng-kỳ*).

Nhân dân từ mười phương thế giới hễ sanh về Tây Phương liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Trong các kinh luận đã nói: Tu đến bậc Thập Địa Pháp Vân Địa Bồ Tát thì mới có thể chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Trong số ấy lại có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, Nhất Sanh Bồ Xứ chính là Đẳng Giác Bồ Tát. Trong thế giới Sa Bà chỉ có mình Di Lạc Bồ Tát là Nhất Sanh Bồ Xứ, đang ở trong nội viện của trời Đâu Suất, đợi đến năm mười sáu ức bảy ngàn vạn năm sau sẽ giáng thế thành Phật. Tại Tây Phương thế giới, hậu bồ Phật (Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát) vô lượng vô biên, trong mười phương thế giới nếu có vị Phật nào nhập diệt, liền qua đó điền vào chỗ khuyết. Tây Phương thế giới giống như nơi huấn luyện Phật để chờ bổ nhiệm.

(Giải) *A Bệ Bạt Trí, thử vân Bất Thoái, nhất Vị Bất Thoái, nhập thánh lưu, bất đọa phàm địa. Nhị Hạnh Bất Thoái, hằng độ sanh, bất đọa Nhị Thừa địa. Tam Niệm Bất Thoái, tâm tâm lưu nhập Tát Bà Nhã hải. Nhược ước thử độ, Tạng Sơ Quả, Thông Kiến Địa, Biệt Sơ Trụ, Viên Sơ Tín, danh Vị Bất Thoái. Thông Bồ Tát, Biệt Thập Hương, Viên Thập Tín, danh Hạnh Bất Thoái. Biệt Sơ Địa, Viên Sơ Trụ, danh Niệm Bất Thoái. Kim Tịnh Độ, Ngũ Nghịch, Thập Ác, thập niệm thành tựu. Đối nghiệp vãng sanh, cư Hạ Hạ Phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái.*

(解)阿鞞跋致。此云不退。一位不退。入聖流。不墮凡地。二行不退。恆度生。不墮二乘地。三念不退。心心流入薩婆若

海。若約此土。藏初果。通見地。別初住。圓初信。名位不退。通菩薩。別十向。圓十信。名行不退。別初地。圓初住。名念不退。今淨土。五逆十惡。十念成就。帶業往生。居下下品者。皆得三不退。

(Giải: A Bệ Bạt Trí, cõi này dịch là Bất Thoái:

- 1. Vị Bất Thoái: Nhập dòng thánh, chẳng đọa vào địa vị phàm phu.*
- 2. Hạnh Bất Thoái: Luôn độ sanh, chẳng đọa vào địa vị Nhị Thừa.*
- 3. Niệm Bất Thoái: Tâm tâm lưu nhập biển Nhất Thiết Trí.*

Nếu dựa theo cõi này [để luận định] thì [các địa vị như] Sơ Quả trong Tạng Giáo, Kiến Địa trong Thông Giáo, Sơ Trụ trong Biệt Giáo và Sơ Tín trong Viên Giáo gọi là Vị Bất Thoái. Bậc Bồ Tát trong Thông Giáo, bậc Thập Hương trong Biệt Giáo, bậc Thập Tín trong Viên Giáo thì gọi là Hạnh Bất Thoái. Bậc Sơ Địa trong Biệt Giáo, bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo thì gọi là Niệm Bất Thoái. Nay Tịnh Độ thì kể Ngũ Nghịch, Thập Ác, mười niệm thành tựu vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm đều đắc ba thứ Bất Thoái).

A Bệ Bạt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, có nghĩa là Bất Thoái (không lui sụt). Ba thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái, đã được giải thích cặn kẽ trong đoạn Huyền Nghĩa ở phần trước. Nếu nói theo thể giới Sa Bà thì bậc Sơ Quả trong Tạng Giáo, bậc Kiến Địa trong Thông Giáo (bằng với quả Dự Lưu (Tu Đà Hoàn) trong Thanh Văn Thừa), bậc Sơ Trụ trong Biệt Giáo, bậc Sơ Tín trong Viên Giáo, bốn giáo tu hành đạt đến địa vị này thì gọi là Vị Bất Thoái, nhưng các địa vị này chỉ ngang nhau trên phương diện đoạn Hoặc, chứ trí huệ khác nhau. Sơ Quả của Tạng Giáo chẳng thể sánh bằng Kiến Địa trong Thông Giáo, Kiến Địa trong Thông Giáo chẳng bằng Sơ Trụ trong Biệt Giáo, Sơ Trụ trong Biệt Giáo chẳng bằng Sơ Tín trong Viên Giáo. Trí huệ, công đức khác nhau!

Bậc Bồ Tát trong Thông Giáo, bậc Thập Hồi Hương Bồ Tát trong Biệt Giáo, bậc Thập Tín Bồ Tát trong Viên Giáo thì gọi là Hạnh Bất Thoái (trong Hạnh Bất Thoái không có Tạng Giáo). Sơ Địa của Biệt Giáo và Sơ Trụ của Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, gọi là Niệm Bất Thoái (trong Niệm Bất Thoái không có Tạng Giáo và Thông Giáo). Đây cũng chỉ là dựa theo sự đoạn Hoặc để nói thì hai địa vị này bình đẳng, nhưng trí huệ, công đức hoàn toàn khác nhau. Bậc Sơ Trụ của Viên Giáo vượt trội Sơ Địa của Biệt Giáo rất nhiều.

“Ngũ Nghịch, Thập Ác” tạo tội cực nặng. Trong hết thầy kinh, đức Phật nói kẻ ấy ắt đọa địa ngục ngay trong một đời. Ngũ Nghịch (Pañcānantarya) là:

1) Làm thân Phật chảy máu. Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) ôm lòng hại Phật. Từ trên đỉnh núi xô một tảng đá to xuống đè Phật, thần hộ pháp từ trên không trung đỡ lấy, nhưng mảnh đá văng trúng chân Phật chảy máu. Nếu hại Phật sẽ kết

tội với hết thầy chúng sanh. Phật là bậc đạo sư của ba cõi, [hại Phật] khiến cho cơ duyên nghe pháp đắc độ hết thầy chúng sanh bị đứt đoạn, tội lỗi ngập trời.

2) Giết A La Hán: La Hán là bậc đắc đạo, giáo hóa một phương. Nếu hại La Hán chính là đoạn huệ mạng của rất nhiều người. Bậc thiện tri thức thật sự sẽ có ảnh hưởng đến ngàn năm vạn đời. Như Khổng lão phu tử lúc tại thế chẳng nổi danh, chẳng làm quan lớn, là một người tầm thường bất đắc chí, bất đắc dĩ phải quay về nhà đọc lòng dạy học, những người tuân theo giáo huấn của Ngài nhất định được phước. Cái học do Ngài truyền lại chính là phước báo trời người mà công đức còn chẳng thể nghĩ bàn, huống chi giáo hóa của Phật là công đức lợi ích khôn sánh trong thế gian lẫn xuất thế gian.

3) Giết cha.

4) Giết mẹ. Cha mẹ có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Giết hại cha mẹ thuộc về Tánh Tội, tự nhiên đọa trong địa ngục Vô Gián (Avīci Nairaka). Kinh Địa Tạng đã giảng [về địa ngục Vô Gián] rất tường tận.

5) Phá hòa hợp Tăng: Tăng đoàn là nơi bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp cho nhà Phật. Nếu phá hoại Tăng đoàn thì cũng là tội lỗi đọa địa ngục Vô Gián. Chư Phật xuất thế cũng chẳng cứu được. Thời gian trong địa ngục Vô Gián cũng là vô lượng kiếp.

Thập Ác (Daśakuśala) là thân: Giết, trộm, dâm; miệng: Nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt; ý: Tham, sân, si. Người tạo Thập Ác tùy theo dụng tâm như thế nào mà chia thành ba phẩm Thượng, Trung, Hạ, cũng đều đủ tư cách vào địa ngục! Nếu nay những người tội ác như vậy đều có thể mười niệm thành tựu thì Hạ Hạ Phẩm đời nghiệp vãng sanh cũng chúng ba thứ Bất Thoái, điều này thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Giải) Nhiên cứ giáo đạo, nhược thị phạm phu, tác phi Sơ Quả đẳng. Nhược thị Nhị Thừa, tác phi Bồ Tát đẳng. Nhược thị Dị Sanh, tác phi Đồng Sanh Tánh đẳng. Hựu, Niệm Bất Thoái, phi phục Dị Sanh. Hạnh Bất Thoái, phi cần kiến đạo. Vị Bất Thoái, phi thị nhân dân. Lạp đẳng tác thành đại vọng, tán bộ tác xả cố xưng. Duy Cực Lạc Đồng Cư, nhất thiết câu phi, nhất thiết câu thị. Thập phương Phật độ, vô thử danh tướng, vô thử giai vị, vô thử pháp môn. Phi tâm tánh chi cực trí, trì danh chi kỳ huân, Di Đà chi đại nguyện, hà dĩ hữu thử? Nhất Sanh Bồ Xứ giả, chỉ nhất sanh bỏ Phật vị, như Di Lạc, Quán Âm đẳng. Cực Lạc nhân dân, phổ giai nhất sanh thành Phật. Nhân nhân tất thật chứng Bồ Xứ. Cố kỳ trung đa hữu thử đẳng thượng thiện, bất khả số tri dã. Phục thứ, Thích Ca nhất đại thời giáo, duy Hoa Nghiêm minh nhất sanh viên mãn, nhi nhất sanh viên mãn chi nhân, tác mạt hậu Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm trung, thập đại nguyện vương, đạo quy An Dưỡng. Thả dĩ thử khuyến tán Hoa Tạng hải chúng. Ta hồ! Phạm phu lệ đẳng Bồ Xứ, kỳ xưng cực đàm, bất khả trắc độ. Hoa Nghiêm sở bẩm, khước tại thử kinh, nhi thiên hạ cổ kim, tín miểu, nghi đa, từ phần, nghĩa thực, dư duy hữu phâu tâm lịch huyết nhi dĩ!

(解)然據教道。若是凡夫。則非初果等。若是二乘。則非菩薩等。若是異生。則非同生性等。又。念不退。非復異生。行不退。非僅見道。位不退。非是人民。臘等則成大妄。進步則捨故稱。唯極樂同居。一切俱非。一切俱是。十方佛土。無此名相。無此階位。無此法門。非心性之極致。持名之奇勳。彌陀之大願。何以有此。一生補處者。只一生補佛位。如彌勒觀音等。極樂人民。普皆一生成佛。人人必實證補處。故其中多有此等上善。不可數知也。復次。釋迦一代時教。唯華嚴明一生圓滿。而一生圓滿之因。則末後普賢行願品中。十大願王。導歸安養。且以此勸進華藏海眾。嗟乎。凡夫例登補處。奇倡極談。不可測度。華嚴所稟。卻在此經。而天下古今。信渺疑多。辭繁義蝕。余唯有剖心瀝血而已。

(Giải: Nhưng căn cứ theo đạo lý [thông thường] trong hết thầy kinh điển thì nếu là phàm phu, sẽ chẳng giống với bậc Sơ Quả. Nếu là Nhị Thừa, sẽ chẳng phải là bậc Bồ Tát. Nếu là Di Sanh Tánh (địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo) sẽ chẳng giống với bậc Đồng Sanh Tánh (Sơ Trụ trong Viên Giáo). Lại nữa, Niệm Bất Thoái chẳng còn là Di Sanh, Hạnh Bất Thoái thì chẳng phải chỉ mới thấy đạo, Vị Bất Thoái thì chẳng phải là nhân dân. [Trong giáo pháp thông thường] nếu thuộc địa vị dưới mà nói lán lên bậc trên sẽ trở thành đại vọng ngữ, phải vượt lên địa vị mới thì mới bỏ danh xưng cũ. Chỉ có trong cõi Đồng Cư của Cực Lạc, hết thầy đều chẳng phải, mà hết thầy cũng đều phải. Các cõi Phật trong mười phương đều chẳng có danh tướng này, không có địa vị này, không có pháp môn này. Nếu không phải là do tâm tánh đạt đến tốt bậc, công hun đúc kỳ diệu của pháp trì danh, và Di Đà đại nguyện thì làm sao đạt được như thế này? Nhất Sanh Bồ Xứ là chỉ một đời sẽ được bỏ đi làm Phật, giống như Di Lạc, Quán Âm v.v... Trọn khắp nhân dân trong cõi Cực Lạc đều là bậc thành Phật trong một đời, ai nấy đều thật sự chứng được địa vị Bồ Xứ. Vì thế trong ấy có nhiều bậc thượng thiện như thế, chẳng thể tính biết được!

Hơn nữa, trong những giáo pháp của cả đời Phật Thích Ca, chỉ mình kinh Hoa Nghiêm nói đến sự viên mãn trong một đời, nhưng cái nhân viên mãn trong một đời nằm trong phẩm cuối cùng là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, mười đại nguyện vương dẫn về An Dưỡng. Lại còn dùng điều này để khuyên lơn, sách tán Hoa Tạng hải chúng.

Than ôi! Phàm phu mà được dự vào bậc Bồ Xứ là một sự khởi xướng bàn luận lạ lùng, cao tốt, chẳng thể suy lường được. Điểm đặc thù của kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn nằm trong kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay, người tin tưởng ít ỏi, kẻ nghi ngờ đông nhiều. Càng nói lắm, nghĩa càng hao, tôi chỉ có cách mổ tim vẩy máu mà [nêu bày cho rõ nghĩa này] mà thôi!

“*Giáo*” là kinh điển, hết thầy kinh điển do đức Phật đã nói. “*Đạo*” là đạo lý. [Nếu căn cứ theo đạo lý thông thường trong hết thầy kinh điển do đức Phật đã nói thì] nếu là phạm phu, sẽ trọn chẳng phải là thánh nhân. Nếu là Thanh Văn, Duyên Giác, quyết định chẳng phải là Bồ Tát. [Trong các giáo pháp thông thường], tầng cấp phân định rất rõ rệt.

“*Nhược thị Dị Sanh, tắc phi Đồng Sanh Tánh đẳng*” (Nếu là Dị Sanh Tánh thì chẳng phải giống với bậc Đồng Sanh Tánh): Dị Sanh chính là địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo, còn Đồng Sanh chính là địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Đồng và Biệt (Dị) là nói về chân tâm bản tánh. Người minh tâm kiến tánh dùng cùng một cái tâm với Phật, tức là dùng chân tâm, thì gọi là “*Đồng Sanh Tánh*”. Chưa thấy tánh thì dùng thức tâm, khác với Phật, nên gọi là “*Dị Sanh Tánh*”. Đây chính là chỗ khác biệt giữa Đồng Sanh Tánh và Dị Sanh Tánh. Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo dùng thức tâm, còn Sơ Địa trong Biệt Giáo dùng chân tâm. Người tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác sanh về Tây Phương liền chứng ba thứ Bất Thoái, mà ba thứ Bất Thoái chính là Đồng Sanh Tánh, so với Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát vượt trội quá nhiều. Nếu nói theo đạo lý [thông thường] thì chẳng thông, vì Niệm Bất Thoái chẳng còn là Dị Sanh Tánh; Niệm Bất Thoái là Sơ Trụ trong Viên Giáo, là Sơ Địa trong Biệt Giáo, là Đồng Sanh Tánh, trọn chẳng phải là Dị Sanh Tánh.

“*Hạnh Bất Thoái, phi cần kiến đạo, Vị Bất Thoái, phi thị nhân dân*” (Hạnh Bất Thoái chẳng phải chỉ thấy đạo, Vị Bất Thoái chẳng phải là nhân dân): Mấy câu này mọi người đều hiểu được.

“*Lạc đẳng tắc thành đại vọng*” (Hễ ở địa vị dưới mà nói lán lên địa bên trên sẽ trở thành đại vọng ngữ): Nói ló hơn địa vị [thật sự chứng đắc] thì trong nhà Phật gọi là “đại vọng ngữ”. “*Tán bộ tắc xả cố xưng*” (Hễ đạt lên địa vị cao hơn thì mới bỏ danh xưng cũ): Nếu đoạn được một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì là Sơ Trụ Bồ Tát, chẳng còn là Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín nữa. Lại giống như học sinh trung học thi đậu đại học, liền gọi là sinh viên đại học; chứng được Sơ Quả tức là thánh nhân, chẳng phải là phạm phu. Chứng được Hạnh Bất Thoái thì chính là Bồ Tát, chẳng phải Nhị Thừa.

“*Duy Cực Lạc Đồng Cư, nhất thiết câu phi, nhất thiết câu thị*” (Chỉ có cõi Đồng Cư của Cực Lạc là hết thầy đều chẳng phải, hết thầy đều là): Những điều vừa nói trong đoạn trước là những chuyện bình thường, nhưng áp dụng vào thế giới Cực Lạc sẽ chẳng thể nói cho xuôi được. Phiền não chưa đoạn, vốn là phạm phu, hễ sanh về Tây Phương liền là bậc Pháp Thân đại sĩ đầy đủ ba thứ Bất Thoái, như vậy rốt cuộc là phạm phu hay là Pháp Thân đại sĩ? Nói người ấy là Pháp Thân đại sĩ thì người ấy chưa đoạn phiền não! Nói người ấy là phạm phu thì người ấy đã chứng ba thứ Bất Thoái. Do vậy nói “*câu phi*” (đều chẳng phải) mà cũng “*câu thị*” (đều là). Trong mười phương cõi nước không có hiện tượng này, mà cũng không địa vị giống như vậy. Nếu chẳng phải là do tâm tánh đến mức cùng cực, do vận dụng chân tâm bản tánh đã đạt đến cực điểm, tức là thấu đạt tâm tánh của cái tâm năng niệm đến mức cực điểm, chẳng phải là chuyện tâm thường! Do

sự un đức kỳ diệu của trì danh, lại thêm oai thần và bổn nguyện của Phật Di Đà gia trì, cho nên mới có hiện tượng đặc biệt thù thắng này: Một phẩm tội nghiệp chưa tiêu mà sau khi sanh về Tây Phương sẽ có địa vị bình đẳng với hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo và hàng Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo.

Mấy câu nói trên đây đã giảng thấu triệt như vậy, chẳng lạ gì Ấn Quang đại sư khen ngợi bộ Yếu Giải này như sau: “*Nếu cổ Phật tái lai để soạn chú giải cho kinh Di Đà thì cũng chẳng thể nào viết hay hơn được*”. Người ta coi rẻ pháp môn Niệm Phật là vì những điều được dạy [trong pháp môn này] quá huyền, quá diệu, khiến cho người ta khó lòng tin tưởng được! Nhưng khi đức Phật giảng kinh này, đã đặc biệt hướng về vị đại diện cho những người đương cơ là ngài Xá Lợi Phất để giảng giải toàn bộ kinh. Trong mười vị đại đệ tử, ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất. Đủ thấy cần phải có trí huệ rất cao thì mới có thể tiếp nhận pháp môn này. Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù, Phổ Hiền phát nguyện vãng sanh. Trong các đại Bồ Tát, Văn Thù là trí huệ bậc nhất, Phổ Hiền là đức hạnh bậc nhất. Trong hội Vô Lượng Thọ, các vị đại Bồ Tát đều cùng tuân tu đức hạnh của Phổ Hiền đại sĩ, cho thấy pháp môn này cần phải là người trí huệ lẫn đức năng đều khá thì mới có tư cách tiếp nhận, đủ chứng tỏ bất cứ pháp môn nào cũng đều chẳng thể sánh bằng pháp môn này được!

Ở đây, [Ngẫu Ích đại sư] cũng giải đáp cho chúng ta một câu hỏi trọng yếu. Trong bản dịch kinh Di Đà của La Thập đại sư có một câu kinh văn là “*nhất tâm bất loạn*”. Bản dịch của ngài Huyền Trang là trực dịch (dịch sát theo nguyên văn, không dịch ý), theo nguyên văn trong bản tiếng Phạn chẳng phải là “*nhất tâm bất loạn*”. Đối với nhất tâm bất loạn, người đời sau nêu ra rất nhiều ý kiến. Sự nhất tâm là đoạn Kiến Tư phiền não, là cảnh giới của A La Hán. Lý nhất tâm là cảnh giới của Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo, là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ. Đọc đến đoạn chú giải này, đối với câu dịch “*nhất tâm bất loạn*” của La Thập đại sư chẳng còn nghi hoặc nữa. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới liền chứng ba thứ Bất Thoái, ba thứ Bất Thoái là Lý nhất tâm bất loạn. Vì sao vậy? Chẳng biết! Ngẫu Ích đại sư bảo chúng ta: Đây là vì “*do tâm tánh thấu đạt đến mức cùng cực, công huân kỳ diệu của sự trì danh, và đại nguyện của Di Đà*” gia trì nên mới thành ra như vậy.

“*Nhất Sanh Bồ Xứ*” tức là về sau sẽ được bổ nhiệm làm Phật, thành tựu của vị ấy hoàn toàn giống như Phật, chỉ là chưa ở địa vị Phật. Ngài Di Lạc là Bồ Xứ Bồ Tát trong thế giới này. Quán Thế Âm Bồ Tát là Bồ Xứ Bồ Tát trong thế giới Tây Phương. Nhân dân cõi Cực Lạc đều là một đời thành Phật, ai nấy đều thật sự chứng địa vị Bồ Xứ. Sanh về Tây Phương thế giới phải mất thời gian bao lâu mới chứng được địa vị Bồ Xứ Bồ Tát? A Di Đà Phật thành Phật đến nay chỉ mới mười kiếp, trong kinh ghi “*kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ*” (trong ấy có nhiều vị Nhất Sanh Bồ Xứ). Do có chữ “*nhiều*” chứng tỏ con số Bồ Xứ Bồ Tát trong mười kiếp đã hơn một nửa. Dựa theo điều này để suy luận, người vãng sanh từ một đến sáu kiếp đều đã tiến đến địa vị Bồ Xứ Bồ Tát. Tính ra thời hạn họ tu hành chẳng

hơn năm sáu kiếp mà thôi! Nếu so sánh với thời gian ba đại A-tăng-kỳ kiếp trong thế giới Sa Bà, dường như không có cách nào so sánh được.

“*Thích Ca nhất đại thời giáo*” (Giáo pháp trong suốt một đời Phật Thích Ca), ở đây nói tới Phật Thích Ca nhằm tượng trưng cho các cõi Phật ngoài thế giới Tây Phương, tình trạng trong các cõi ấy đại khái giống như thế giới Sa Bà. Ngoài ba kinh Tịnh Độ ra, trong hết thảy các kinh thì chỉ có mình kinh Hoa Nghiêm nói tới chuyện một người trong một đời tu hành viên mãn thành Phật. Thiện Tài tham học năm mươi ba lần, địa vị của Ngài là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Mỗi lần tham phỏng một vị, địa vị của Thiện Tài lại nâng cao hơn một tầng. Trong năm mươi ba địa vị thì có mười một vị là Đăng Giác Bồ Tát. Khi tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát thì Thiện Tài đã viên mãn thành Phật. Trong hội Hoa Nghiêm, khi Thiện Tài tham phỏng phu nhân Ma Da thì Ngài đã là Đăng Giác Bồ Tát, từ phu nhân Ma Da đến ngài Di Lặc là mười vị thiện tri thức, Ngài đã dự vào địa vị Đăng Giác từ lâu. Di Lặc Bồ Tát giới thiệu Thiện Tài đến tham học với Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát dạy Thiện Tài niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến thế giới Cực Lạc để viên thành Phật đạo. Đối với chuyện này, chúng ta phải chú tâm suy nghĩ, đức Phổ Hiền không chỉ khuyên mình Thiện Tài mà còn khuyên khắp đại chúng trong hải hội Hoa Tạng gồm bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, toàn thể đều cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Đạo sư của thế giới Hoa Tạng là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Văn Thù và Phổ Hiền là trợ thủ chánh yếu của Tỳ Lô Giá Na Phật. Nay ngài Văn Thù phát nguyện cầu vãng sanh, ngài Phổ Hiền khuyên khắp đại chúng trong hải hội; hai vị đại đệ tử hoàn toàn chẳng phản bội thầy, mà thầy cũng chẳng quở trách bọn họ. Chúng ta hãy suy nghĩ chuyện này nhiều lượt thì mới thật sự tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, và cũng mới có thể thật sự phát tâm đạt đến chỗ cùng cực của tâm tánh. Đối với những thành quả của người [vãng sanh] ấy, các vị Bồ Tát trong mười phương thế giới chẳng thể thấu hiểu, vì sao kẻ chưa đoạn phiền não, tội nghiệp cực nặng, niệm mấy câu Phật hiệu lại có thể sanh về Tây Phương, trí huệ, đức năng liền giống hết bậc Đăng Giác Bồ Tát? Họ thật sự chẳng biết đức năng của người ấy đã được bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, làm tăng thượng duyên.

Tôi vừa mới nói tới chuyện so sánh giữa kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác vãng sanh và bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Ở chỗ này, đại sư nói kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác sau khi sanh về Tây Phương, hết thảy sự thụ dụng giống như hàng Đăng Giác Bồ Tát. Đại sư nói chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể dùng trí huệ của chính mình để hiểu rõ điều này. “*Phàm phu lệ đặng Bồ Xứ, kỳ xướng cực đàm, bất khả trắc độ*” (Phàm phu mà được xếp vào hàng Bồ Xứ, sự khởi xướng, đàm luận lạ lùng, tốt bậc ấy chẳng thể nào suy lường được). Tông chỉ “*một đời thành Phật*” được nói trong kinh Hoa Nghiêm đã hoàn toàn nằm trong kinh này. Do vậy, kinh này chính là quy túc và tổng kết của kinh Hoa Nghiêm. Thiên hạ xưa nay kẻ tin tưởng ít ỏi, người hoài nghi đông đảo, dùng ngôn ngữ, văn từ thảo luận Tịnh Tông rất nhiều, càng nhiều càng chẳng hiểu rõ! Trong những trước thuật của bậc đại đức hữu tu hữu chứng càng có nhiều lời hoài nghi Tịnh Tông.

Chẳng hạn như bộ Hoa Nghiêm Hợp Luận của Lý Trường Giả là một thí dụ. Kinh Hoa Nghiêm từ cổ đến nay chỉ có hai bản chú giải, một là bản của Thanh Lương đại sư, hai là bản của Lý Trường Giả. Lý Trường Giả sống trước thời Thanh Lương đại sư⁵. Ngài muốn soạn chú giải cho kinh Hoa Nghiêm bèn tính kiếm một nơi thanh tịnh. Khi lên núi, Ngài gặp một con cọp, Ngài cầm gậy gõ vào đầu cọp, bảo nó: “Ta muốn tìm một nơi thanh tịnh để viết chú giải cho kinh Hoa Nghiêm, người có biết chỗ nào hay không?” Cọp vẫy đuôi dẫn Ngài đi theo, đi đến một hang núi, vốn là hang cọp. Cọp dọn nhà, nhường chỗ ấy cho Ngài chú giải kinh. Một hôm, chợt có hai cô gái từ bờ ao bước tới hầu hạ cơm nước cho Ngài. Hai năm sau, chú giải sắp xong, Ngài nghĩ hai cô gái này hầu hạ rất lâu mà cũng chẳng biết tên họ, vừa dấy lên ý nghĩ ấy thì hai cô gái đã không biết đi đâu mất. Đây chính là chư thiên cúng dường. Trong bộ Hợp Luận, Lý Trường Giả nói cõi Tây Phương là quyền biến, còn Hoa Tạng mới là thật, Hoa Tạng lớn, Tây Phương nhỏ. Lý Trường Giả đạo đức tu trì như vậy mà còn có thiên kiến như thế đối với Tây Phương Tịnh Độ, huống gì những người khác! Ngẫu Ích đại sư nói: “*Lời nhiều, nghĩa hao*” chính là nói về Lý Trường Giả vậy!

(Kinh) Xá Lợi Phất! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dĩ như thị chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ.

(經)舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。所以者何。得與如是諸上善人。俱會一處。

⁵ Lý Trường Giả chính là Lý Thông Huyền (635-730), người xứ Thương Châu (tỉnh Hà Bắc), là một nhà Nho tinh thông Phật học. Năm Khai Nguyên thứ 7 (719), ông ẩn cư tại Phương Sơn, huyện Thọ Dương, phủ Thái Nguyên để nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm, chỉ ăn trái táo hoặc lá tùng để sống qua ngày, nên được người đời gọi là Táo Bá đại sĩ. Ông để lại khá nhiều tác phẩm chú giải hoặc luận định kinh Hoa Nghiêm như Hoa Nghiêm Kinh Luận, Hoa Nghiêm Kinh Hội Thích Luận, Lược Thích Tân Hoa Nghiêm Kinh Tu Hành Thứ Đệ Quyết Nghi Luận, Giải Mê Hiển Trí Thành Bi Thập Minh Luận, Thập Môn Huyền Nghĩa Bài Khoa Thích Lược, Nhân Mục Luận v.v... Về sau, Tống Huy Tông truy tặng tôn hiệu Hiển Giáo Diệu Nghiêm Trường Giả nên từ đó, ông thường được gọi là Lý Trường Giả.

Thanh Lương đại sư (737-838) húy Trừng Quán, họ Hạ Hầu, tự Đại Hưu, người xứ Sơn Âm, Việt Châu (nay thuộc phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang), là tổ thứ tư của tông Hoa Nghiêm. Sư xuất gia năm mười một tuổi với ngài Bái Thiên Sư chùa Bảo Lâm tại Việt Châu. Ngài khởi sự biên soạn bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ từ tháng Giêng năm Hưng Nguyên nguyên niên (784) đến tháng Chạp năm Trinh Nguyên thứ ba (787) mới hoàn thành. Tác phẩm này về sau được các môn đệ như Tăng Duệ v.v... viết thêm lời sao, trở thành bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tỳ Sớ Diễn Nghĩa Sao. Ngài là một trong các vị cao đức đương thời tham gia dịch bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm tại chùa Thảo Đường, Chung Nam sơn, và được triều đình thỉnh giảng kinh này nhiều lượt. Ngài cũng tham gia dịch trường đề phiên dịch bộ Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni Kinh, làm quốc sư suốt các đời Đường Đức Tông, Thuận Tông, Hiến Tông, Mục Tông, Kính Tông, Văn Tông. Đệ tử đặc ý của Ngài là các vị Tông Mật, Tăng Duệ, Pháp Ấn, Tịch Quang.

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe vậy, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh vào cõi ấy. Vì có sao thế? Được cùng các vị thượng thiện nhân như thế cùng tụ hội một chỗ).

Đức Thế Tôn kêu ngài Xá Lợi Phất, mà cũng là gọi chúng ta, khuyên dạy chúng ta “*hãy nên phát nguyện, nguyện sanh vào cõi ấy*”. Hoa Nghiêm là pháp môn căn bản của các giáo pháp trong suốt một đời đức Phật. Hết thấy các kinh đều là quyển thuộc của Hoa Nghiêm, chỗ quy túc của pháp môn căn bản là Tây Phương Cực Lạc thế giới nhưng mọi người chẳng thể tin tưởng, nói chung là vì thiện căn còn chưa chín muồi. Ngẫu Ích đại sư rất miệng buốt lòng chỉ bày cho chúng ta, giải đáp từng tầng nghi nan một. Sau khi đã hiểu rõ, hãy nên phát nguyện vãng sanh thì mới chẳng cô phụ nỗi khổ tâm của đại sư. Ở đây, đức Phật lại khuyên lớn chúng ta cầu sanh Tịnh Độ. Tịnh Độ thù thắng ở chỗ “*các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ*”. Trong thế gian, bạn lành ít ỏi, bạn ác đông đúc; những ai cô vũ, khích lệ chúng ta buông xuống vạn duyên, chuyên tu pháp môn này thì là bạn lành. Nếu khuyên chúng ta: “*Kinh Hoa Nghiêm rất hay, phải đọc cho nhiều. Kinh Pháp Hoa cũng chẳng thể không đọc*”, đây chẳng phải là thiện hữu. Nói như vậy khiến cho ta phân tâm và xen tạp. Dầu nỗ lực thì cũng là tạp tấn, chẳng phải là tinh tấn. Một đời người đọc một bộ kinh là đủ rồi. Không chỉ buông xuống thế duyên (duyên trong cõi đời) mà Phật pháp cũng phải buông xuống. Người có thể làm được như vậy thì không một ai chẳng vãng sanh.

(Giải) Tiền La Hán, Bồ Tát, dẫn khả vân “thiện nhân”, duy Bồ Xứ cư nhân vị chi cực, cố vân “thượng”. Kỳ số thậm đa, cố vân “chư”. “Câu hội nhất xứ”, do ngôn Phàm Thánh Đồng Cư, tầm thường do thật thánh quá khứ hữu lậu nghiệp, quyền thánh đại từ bi nguyện, cố phàm phu đắc dĩ thánh nhân đồng cư. Chí thật thánh hôi thân, quyền thánh cơ tận, tiện thăng trầm thạc dị, khô lạc huyền thù. Nãi tạm đồng, phi cứu cánh đồng dã. Hựu, thiên nhượng chi gian, kiến văn giả thiếu, hạnh hoạch kiến văn, thân cận bộ xu giả thiếu. Hựu, Phật thế thánh nhân tưng đa, như trân, như thụ, bất năng biến mãn quốc độ, như chúng tinh, vi trần. Hựu, cư tuy đồng, nhi sở tác, sở biện, tắc huýnh bất đồng. Kim đồng dĩ vô lậu bất tư nghị nghiệp, cảm sanh câu hội nhất xứ, vi sư hữu, như huân, như trì, đồng tận vô minh, đồng đăng Diệu Giác. Thị tắc hạ phàm chúng sanh u Niệm Bất Thoái trung, siêu tận tứ thập nhất nhân vị. Nhược vị thị phàm phu, khước bất lịch Dị Sanh, tất bỏ Phật chức, dĩ Quán Âm, Thế Chí vô biệt. Nhược vị thị Nhất Sanh Bồ Xứ, khước khả danh phàm phu, bất khả danh Đẳng Giác Bồ Tát. Thủ giai giáo võng sở bất năng thâm, sát võng sở bất năng lệ.

(解)前羅漢菩薩。但可云善人。唯補處居因位之極。故云上。其數甚多。故云諸。俱會一處。猶言凡聖同居。尋常由實聖過去有漏業。權聖大慈悲願。故凡夫得與聖人同居。至實聖灰身。權聖機盡。便升沉碩異。苦樂懸殊。乃暫同。非究竟同也。

又。天壤之間。見聞者少。幸獲見聞。親近步趨者少。又。佛世聖人縱多。如珍如瑞。不能遍滿國土。如眾星微塵。又。居雖同。而所作所辦。則迥不同。今同以無漏不思議業。感生俱會一處。為師友。如壘如簾。同盡無明。同登妙覺。是則下凡眾生。於念不退中。超盡四十一因位。若謂是凡夫。卻不歷異生。必補佛職。與觀音勢至無別。若謂是一生補處。卻可名凡夫。不可名等覺菩薩。此皆教網所不能收。剎網所不能例。

(Giải: La Hán, Bồ Tát được nói trong đoạn trước chỉ có thể gọi là “thiện nhân”, riêng hàng Bồ Xứ là tột bậc trong địa vị tu nhân, nên gọi là “thượng”. Số lượng thật nhiều, nên gọi là “chư”. “Cùng tụ hội một chỗ”: Nếu nói về Phạm Thánh Đồng Cư thì thông thường, bậc thật thánh do có nghiệp hữu lậu trong quá khứ, bậc quyền thánh (thánh nhân thị hiện) do đại nguyện từ bi, nên phạm phu được ở chung một cõi với thánh nhân. Đến khi bậc thật thánh diệt thân và cơ duyên thị hiện của bậc quyền thánh đã hết, [thì phạm phu và thánh nhân] liền thăng trầm thật khác biệt, khổ sướng rất khác, nên chỉ là “tạm đồng” (ở chung với nhau tạm thời), chứ không phải là rốt ráo “đồng”. Hơn nữa, trong khoảng trời đất, ít ai thấy nghe [thánh nhân], những người may mắn được thấy, nghe, thân cận, theo học hỏi chỉ là số ít. Hơn nữa, khi Phật tại thế, thánh nhân đều đồng, nhưng [vẫn là hiếm hoi] như đồ quý báu, như vật tốt lành, chẳng thể trọn khắp cõi nước giống như các ngôi sao hay vì trần. Hơn nữa, tuy cùng sống [trong một quốc độ], nhưng việc làm, hành động hết sức khác biệt. Nay [trong cõi Cực Lạc] thì cùng do nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn cảm vùi mà cùng tụ hội một chỗ, làm thầy bạn cho nhau, giống như ống tiêu với ống sáo, cùng hết sạch vô minh, cùng đạt lên Diệu Giác. Do vậy, chúng sanh kém cõi, phạm phu, ở trong Niệm Bất Thoái, vượt trọn hết bốn mươi một địa vị tu nhân. Nếu bảo họ là phạm phu thì họ chẳng trải qua các địa vị Địa Sanh, mà dự ngay vào địa vị Bồ Xứ, chẳng khác gì Quán Âm, Thế Chí. Nếu bảo họ là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chỉ có thể gọi họ là phạm phu, chẳng thể gọi họ là Đẳng Giác Bồ Tát. Điều này chẳng thể gồm thâu trong giáo pháp nào, mà cũng chẳng thể có trong bất cứ cõi nước nào).

La Hán và Bồ Tát đều có thể gọi là “thiện nhân”, nhưng chỉ có Bồ Xứ Bồ Tát có thể gọi là “thượng thiện”. Số lượng Bồ Xứ Bồ Tát rất đông. Thế giới Sa Bà của chúng ta cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. “Thật thánh” là thánh nhân thật sự, nhưng vẫn còn nghiệp hữu lậu trong quá khứ chưa đoạn sạch, chẳng hạn như các vị La Hán, Bích Chi Phật, sau khi chứng Sơ Quả còn phải bảy lần sanh lên cõi trời hay trong nhân gian vì còn nghiệp hữu lậu chưa đoạn hết. Họ đã đoạn hết Kiến Hoặc, nhưng chưa hết Tư Hoặc, do vậy, cần phải tái sanh. “Quyền thánh” chính là các bậc quyền xảo phương tiện, đại quyền thị hiện, như các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Địa Tạng, đã thành Phật từ trong nhiều kiếp lâu xa về trước, thị hiện trong thế gian, sống chung với chúng ta. Như ngài Pháp Chiếu thấy đức Văn Thù, đức Văn Thù là đại quyền thị hiện. Tôn giả Ca Nặc Ca được nhắc tới

trong Thủy Sâm cũng là một vị A La Hán, đạo tràng của Ngài ở Tứ Xuyên. Ngô Đạt quốc sư có duyên với Ngài nên gặp gỡ, nhưng duyên chỉ có một lần, không có lần thứ hai. Thánh nhân tuy nhiều, nhưng giống như của báu, như điềm lạnh⁶, chẳng thể trọn khắp cõi nước. Tây Phương khác hẳn, hằng ngày có thể gặp mặt các vị Bồ Tát. Lúc Phật tại thế, Thường Tùy Chúng có đến một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, các vị Bồ Tát chẳng thể đếm nổi. Lấy đại thành Xá Vệ làm thí dụ, có mười vạn người, đức Phật giảng kinh trong thành ấy nhiều năm, nhưng người đích thân nghe đức Phật giảng kinh cũng được một phần ba, những người biết có Phật, nhưng chưa từng thấy Phật cũng chiếm một phần ba, một phần ba còn lại chẳng biết Phật là ai! Tuy cùng sống một chỗ, nhưng việc làm, hành vi khác nhau. Việc làm của thánh nhân là cầu sanh thế giới Cực Lạc, khuyên dạy hết thảy chúng sanh vãng sanh. Phàm phu lo toan những chuyện thuộc về tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, luân chuyển trong lục đạo.

Cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Tây Phương rất khác cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong mười phương thế giới. Đại sư nói: *“Kim đồng dĩ vô lậu bất tư nghị nghiệp, cảm sanh câu hội nhất xứ, vi sư hữu”* (Nay do nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn mà cảm vơi cùng tụ hội một chỗ, làm thầy bạn cho nhau). mấy chữ *“vô lậu bất tư nghị nghiệp”* rất quan trọng. Nếu nói về thánh nhân thì không có vấn đề gì, nếu nói về kẻ phàm phu kém hèn vãng sanh thì sợ rằng họ chẳng thể gánh vác được, dường như đáng nghi, nhưng trong kinh lại dạy: *“Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên”* (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên)! Đủ thấy phàm là người vãng sanh đều là người trọn đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên. Trong [phần chú giải] chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh, Thiện Đạo đại sư đã khai thị rất minh bạch: Nếu kẻ nào chẳng phải là lắm thiện căn, nhiều phước đức thì có giảng cho hắn [nghe pháp môn Tịnh Độ], hắn cũng chẳng thể tin tưởng! Ai có thể tin tưởng là do thiện căn trong nhiều đời nhiều kiếp đã chín muồi; lại còn có thể phát nguyện cầu vãng sanh bèn là lắm phước đức. Trong lời chú giải ở đây, Ngẫu Ích đại sư đã nói: *“Tâm tánh chi cực trí, trì danh chi kỳ huân”* (do tâm tánh thấu đạt đến cùng cực và công huân kỳ diệu của pháp trì danh), hai câu này hết sức có trọng lượng. Tâm tánh vô lượng vô biên, niệm một tiếng Phật hiệu liền có vô lượng vô biên phước đức. Tin thật sự, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh, chính là *“tâm tánh chi cực trí”* (thấu đạt tâm tánh đến mức cùng cực). Danh hiệu Di Đà cũng là đức hiệu của tự tánh, Tự và Tha chẳng hai. Chúng ta vận dụng tâm tánh đến mức cùng cực thì công đức của danh hiệu cũng biến thành cùng cực, nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn, lại còn được bổn nguyện, công đức của A Di Đà Phật làm tăng thượng duyên, nên mới có thể cùng các vị thượng thiện nhân cùng tụ hội một chỗ, làm thầy, làm bạn, cho nên công đức thành tựu nhanh chóng.

⁶ Nguyên văn là “thụy” (瑞). Theo nghĩa gốc, Thụy là một loại ngọc dùng để làm tin, hoặc một loại ngọc khắc thành vật trang trí để chư hầu cầm trong tay nhằm biểu thị quyền uy, tượng trưng cho những điều tốt lành.

“*Như huân, như trì*”: Đây là chữ trong Kinh Thi, [Huân và Trì] là hai thứ nhạc khí thời cổ. Huân (埤) đọc giống như Huyền (喧)⁷, Trì (簾) đọc giống như chữ Trì (池). Hai thứ âm thanh hòa hợp, hình dung anh em hòa thuận. Ý nói: Sinh về Tây Phương sẽ cùng với Đẳng Giác Bồ Tát giống như anh em một niềm thân ái, mọi người ở cùng một chỗ. Họ còn có một phần sanh tướng vô minh chưa đoạn, nhưng chúng ta cùng với họ sẽ đều hết vô minh, Kiến Tư, Trần Sa khỏi cần phải nói đến nữa! Không chỉ là chúng ba thứ Bất Thoái mà còn là chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, ngang bằng bậc Đẳng Giác Bồ Tát. “*Đồng đẳng Diệu Giác*” (cùng lên địa vị Diệu Giác): Diệu Giác là quả vị Phật trong Viên Giáo.

Ngũ Nghịch, Thập Ác là hạng phàm phu kém cõi nhất, sanh về Tây Phương ở chung một chỗ với các vị thượng thiện nhân, vượt thoát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một phẩm vị, đủ thấy sau khi sanh về Tây Phương, chẳng cần phải trải qua ba hay bốn kiếp, rất nhanh chóng chứng ngay địa vị Bồ Xứ làm Phật, ta lại có thể suy ra rằng: Trong thế giới Tây Phương, Bồ Xứ Bồ Tát chiếm đại đa số. Phàm phu đời nghiệp vãng sanh trong một đời liền có đạt đến địa vị Bồ Xứ, chẳng khác gì các vị Quán Âm, Thế Chí. Kẻ mới vừa vãng sanh cõi Đồng Cư, Kiến Hoặc, Tư Hoặc chưa đoạn, Vô Minh chưa phá, vẫn còn mang thân phận phàm phu, chẳng phải là Đẳng Giác. Do vậy, Tây Phương thế giới đúng là như trong phần trước đã nói: Hết thầy đều chẳng phải, hết thầy đều phải.

“*Thử giai giáo võng sở bất năng thâm, sát võng sở bất năng lệ*” (Điều này chẳng thể gồm thâm trong giáo pháp nào, mà cũng chẳng thể có trong bất cứ cõi nước nào): “*Giáo võng*” chính là kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, chưa hề nói đến chuyện này. Trong hết thầy các cõi Phật cũng chẳng có tình huống này. Đây chính là do tâm tánh đạt đến cùng cực, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, do bốn nguyện, oai thần của Phật Di Đà gia trì. Cõi Cực Lạc Đồng Cư trong pháp môn Tịnh Độ vượt trội hết thầy các cõi nước Phật, ngày nay may mắn gặp gỡ, chỉ cần chiếu theo phương pháp và lý luận trong kinh điển đề tu học thì chẳng bao lâu sẽ là bậc đại thánh nhân trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

⁷ Huân (埤) có âm Quan Thoại là Xūn hay Xuan, còn chữ Huyền có âm là Xuán, gần giống nhau. Huân là một thứ nhạc khí thường làm bằng đất nung, hình hơi giống quả trứng, một đầu nhọn, một đầu bằng. Đầu nhọn khoét lỗ để thổi, chung quanh khoét lỗ, thông thường là sáu lỗ, được chia thành hai loại: Loại có hình như trứng con phượng, gọi là Nhã Huân; loại giống hình trứng gà thì gọi là Tụng Huân. Huân đôi khi còn được gọi là Đào Địch (ống sáo bằng đất nung) và Huân (Đào Địch) cũng thường được dùng để dịch tên loại kèn Ocarina của Tây Phương (tuy Ocarina đẹp và nhỏ hơn Huân).

Trì là loại sáo bằng trúc thổi ngang, khoét tám lỗ hoặc bảy lỗ (trong khi Tiêu là sáo thổi dọc). Hiện thời hầu như không ai sử dụng Trì, trừ những dàn nhạc tấu loại Nhã Nhạc thời Tùy - Đường mới dùng đến. Trì gần giống như ống Địch (sáo ngang) hiện thời, điểm khác biệt là hai đầu của Trì bịt kín, trong khi Địch để trống, Trì cũng ngắn hơn Địch. Sách Nhĩ Nhã chép: “*Trì dài một thước bốn tấc, to ba tấc, thổi ngang. Loại nhỏ chỉ dài hai tấc*”.

(Giải) Đương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan, tối nan thấu thoát. Duy Cực Lạc Đồng Cư, siêu xuất thập phương Đồng Cư chi ngoại. Liễu thử phương năng thâm tín Di Đà nguyện lực. Tín Phật lực, phương năng thâm tín danh hiệu công đức. Tín trì danh, phương năng thâm tín ngô nhân tâm tánh, bốn bất khả tư nghị dã. Cụ thử thâm tín, phương năng phát w đại nguyện. Văn trung “vng đương” nhị tự, tức chỉ thâm tín. Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề. Hợp thử tín nguyện, đích vi Tịnh Độ chỉ nam. Do thử nhi chấp trì danh hiệu, nãi vi Chánh Hạnh. Nhược tín nguyện kiên cố, lâm chung thập niệm, nhất niệm, diệc quyết đắc sanh. Nhược vô tín nguyện, túng tương danh hiệu trì chí phong xuy bất nhập, vũ đả bất thấp, như ngân tường, thiết bích tương tự, diệc vô đắc sanh chi lý. Tu tịnh nghiệp giả, bất khả bất tri dã. Đại Bản A Di Đà Kinh, diệc dĩ “phát Bồ Đề nguyện” vi yếu, chánh dữ thử đồng.

(解)當知吾人大事因緣。同居一關。最難透脫。唯極樂同居。超出十方同居之外。了此方能深信彌陀願力。信佛力。方能深信名號功德。信持名。方能深信吾人心性。本不可思議也。具此深信。方能發於大願。文中應當二字。即指深信。深信發願。即無上菩提。合此信願。的為淨土指南。由此而執持名號。乃為正行。若信願堅固。臨終十念一念。亦決得生。若無信願。縱將名號持至風吹不入。雨打不溼。如銀牆鐵壁相似。亦無得生之理。修淨業者。不可不知也。大本阿彌陀經。亦以發菩提願為要。正與此同。

(Giải: Hãy nên biết đối với nhân duyên đại sự của chúng ta, một cửa ải Đồng Cư khó thể vượt thoát nhất. Chỉ có cõi Đồng Cư trong Cực Lạc vượt khỏi các cõi Đồng Cư trong mười phương. Hiểu rõ điều này rồi thì mới có thể tin sâu vào nguyện lực của Phật Di Đà. Có tin vào Phật lực thì mới có thể tin tưởng sâu xa công đức của danh hiệu. Tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu xa tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn. Có lòng tin sâu xa như vậy rồi thì mới có thể phát ra đại nguyện. Hai chữ “hãy nên” trong kinh văn chính là nói đến lòng tin sâu xa. Tin sâu, phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề. Gộp cả hai thứ Tín và Nguyện này, đích xác là kim chỉ nam cho pháp môn Tịnh Độ. Do hai điều này mà chấp trì danh hiệu thì là Chánh Hạnh. Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hoặc một niệm, cũng quyết định được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dẫu trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa tấp chẳng ướt giống như tường bạc vách sắt thì cũng chẳng có lẽ nào được vãng sanh! Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này. Đại Bản A Di Đà Kinh cũng coi “phát nguyện Bồ Đề” là trọng yếu, hoàn toàn giống như kinh này).

Trong kinh này, đức Phật nói rõ ràng: Thế giới Tây Phương thành tựu sự trang nghiêm thù thắng, thời gian không dài. Đoạn thứ nhất giới thiệu hoàn cảnh

y báo, gần giống như xây trường học trong một thời gian ngắn ngủi, xây dựng một khu trường đẹp đẽ tuyệt vời, các thiết bị hoàn chỉnh, không thiếu sót mảy may nào. Đoạn thứ hai nói về sự trang nghiêm nơi chánh báo, giới thiệu đạo sư A Di Đà Phật là vị thầy ưu tú nhất, Thanh Văn, Bồ Tát, Nhất Sanh Bồ Xứ là những học trò đạt thành tựu trong tu học. Quán sát hai đoạn kinh văn này, ta thấy các cõi Phật trong mười phương chẳng thể sánh bằng. Đem những chỗ tốt đẹp của thế giới Cực Lạc nói hết ra, chúng ta đã biết tình hình thực tế ấy, lẽ nào chẳng hâm mộ, hướng về. Trong đoạn này, kinh dạy cho chúng ta biết một đại sự nhân duyên, tức là đại sự sanh tử. Trong lục đạo, muốn liễu sanh tử, thoát tam giới thì chẳng phải là chuyện dễ dàng, đoạn phiền não khó lắm! Mê hoặc tạo nghiệp, chịu khổ, tạo thành luân hồi. Khi gánh chịu quả báo chẳng biết tự phản tỉnh, càng thêm mê hoặc, càng mê sâu hơn, mỗi đời lại kém hơn đời trước. Cõi Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có lục đạo, khác hẳn cõi Đồng Cư trong mười phương thế giới. Thế giới Tây Phương là Nhất Chân pháp giới, cũng chẳng có mười pháp giới. Bốn cõi xếp theo hàng ngang, hễ sanh về một cõi sẽ sanh về hết thủy cõi, người vãng sanh mang theo nghiệp cũ, nhiều hay ít chẳng giống nhau. Người mang theo nghiệp ít sẽ ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm hoặc cõi Thường Tịch Quang. Mang theo nghiệp nhiều sẽ ở trong cõi Phương Tiện Hữu Dư hoặc cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Trên sự thật là Nhất Chân pháp giới, bất luận chúng sanh trong đường nào, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều bình đẳng với Đẳng Giác Bồ Tát. Bốn mươi tám nguyện và kinh Vô Lượng Thọ đều nói như thế. Nếu chẳng phải là Nhất Chân pháp giới, sẽ hoàn toàn chẳng có tình hình này! Quán Kinh nói bốn cách niệm Phật là Thật Tướng, Quán Tướng, Quán Tượng và Trì Danh. Mười phương chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc, phần nhiều nhờ cách Trì Danh Niệm Phật. Bởi nó là pháp môn bậc nhất, dễ dàng nhất, đơn giản nhất, nhanh chóng nhất, ôn hòa thích đáng nhất, chí viên, chí đôn. Kinh Vô Lượng Thọ nói điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”. Lại xem phần ba bậc chín phẩm vãng sanh [trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ] và đọc các kinh điển Đại Thừa khác, những người hồi hướng vãng sanh đều là “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”. Nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện là “*một bề chuyên niệm, mười niệm thành tựu*”, nguyện thứ mười chín là “*phát Bồ Đề tâm*”. Dù thấy rằng [tông chỉ] “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*” dựa trên bốn nguyện của Phật Di Đà. Trong Quán Kinh, đức Phật gọi Bồ Đề tâm là “*chí thành tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm*”. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói Bồ Đề tâm là “*trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*”. Những danh tướng ấy rất nhiều, nhưng đều nói chưa rõ ràng lắm. Ở đây, Ngẫu Ích đại sư dạy cho chúng ta một định nghĩa đơn giản, trọng yếu nhất: “*Tin sâu phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm*”. Tất cả những tâm như chí thành tâm, thâm tâm, trực tâm, hồi hướng phát nguyện tâm, đại bi tâm đều bao gồm trong một niệm, đại sư đã nói toạc ra. Bà cụ già chẳng biết chữ, chẳng biết thế nào là phát Bồ Đề tâm, nhưng bà cụ có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, đến cuối cùng, thân không bệnh khổ, ngời vãng sanh. Do vậy, đại sư nói: “*Hợp thủ tín nguyện,*

đích vi Tịnh Độ chỉ nam. Do thử nhi chấp trì danh hiệu, nãi vi Chánh Hạnh” (Gộp cả hai thứ Tín và Nguyện này đích xác là kim chỉ nam cho pháp môn Tịnh Độ. Do hai điều này mà chấp trì danh hiệu thì là Chánh Hạnh), hết sức trọng yếu!

“Nhược tín nguyện kiên cố, lâm chung thập niệm, nhất niệm, diệc quyết vãng sanh” (Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hoặc một niệm, cũng quyết định được vãng sanh): Đại sư nói hết sức khẳng định, chính là nói: *“Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô”* (Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không).

Có tín và có nguyện sẽ tương ứng với nguyện lực của A Di Đà Phật, tương ứng với chân tâm bản tánh của chính mình. Dầu có cảm ứng cũng chớ nên hoan hỷ, chỉ dốc sức nơi tín nguyện trì danh là được rồi. Nếu công phu trì danh đến mức, mà tín nguyện hoàn toàn chẳng chân thật, thiết tha thì cũng uổng phí công phu. Có người đối với chuyện thế gian không buông xuống được, con cái, thân quyến, của cải, sự nghiệp, chẳng bỏ thứ gì được, chỉ cần có một tí vướng mắc sẽ chẳng thể vãng sanh. Công phu chân chánh là thấy thấu suốt, rõ ràng hết thấy pháp trong thế gian, đầy gọi là Đoạn Đức, ý chí hướng về Tây Phương hết sức mãnh liệt thì còn có gì mà chẳng làm được!

4.2.3. Chỉ thẳng pháp Trì Danh [nhằm khuyên hành giả] lập hạnh

(Kinh) Xá Lợi Phát! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc. Xá Lợi Phát! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

(經)舍利弗。不可以少善根福德因緣。得生彼國。舍利弗。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。若三日。若四日。若五日。若六日。若七日。一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生。阿彌陀佛。極樂國土。

(Chánh kinh: Đây Xá Lợi Phát! Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh vào nước ấy. Đây Xá Lợi Phát! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn, khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt. Người ấy lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật).

Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh vào nước ấy). “*Thiện căn*” là tin tưởng sâu xa, “*phước đức*” là trì danh, phát tâm niệm Phật là phước đức lớn nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian. Trời, người ít phước đức, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát ít thiện căn, nửa tin nửa ngờ. Có ai đem pháp môn này giới thiệu với người khác thì những kẻ ấy tự nhận là bậc thượng căn lợi trí, đáng nên học kinh giáo, tham Thiền, coi pháp Niệm Phật chẳng xứng đáng [để họ quan tâm]. Trong cõi đời, có kẻ tin Phật lâu năm, chịu tin tưởng, cũng phát nguyện, nhưng chẳng thể vãng sanh là do chưa thể buông xuống các duyên trong cõi đời, không bỏ nổi cảm tình, bị chuyện thế gian vây bủa, tức là chẳng đủ phước đức. Trước hết, phải hiểu rõ lý luận và sự thật trong pháp môn Tịnh Độ, phải giảng nhiều, nghe nhiều, chứ chỉ một hai lượt thì hiệu quả chẳng lớn. Tôi là một người thuộc vào trường hợp này! Giảng Yếu Giải lần này khác với lần giảng năm ngoái. Trong lần này có những điều trong quá khứ tôi chưa hề nói đến. Quán sát, thấu hiểu mỗi năm càng sâu đậm hơn năm trước, mỗi năm một hiểu rõ hơn, chứ không phải là năm ngoái tôi tiếc pháp không chịu nói! Năm ngoái tôi cũng không biết những điều ấy. Đến nay tôi mới thấu hiểu [vì sao] xưa kia thiền sư Đạo Xước giảng ba kinh một luận Tịnh Độ, giảng hơn hai trăm lần. Đáng tiếc là những bản chú giải của lão nhân gia không được truyền lại. Hiện thời, chúng ta thấy bản chú giải của cổ đức được lưu truyền phổ biến nhất là bộ Số Sao của Liên Trì đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư và Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Ngày nay có thể nghe nói tới bộ Yếu Giải này, chính là thiện căn và phước đức cùng lúc đầy đủ. Trong đời quá khứ, các vị đồng tu đã kết duyên rất sâu với A Di Đà Phật, nhưng sở dĩ chưa thể vãng sanh là do trong ba điều kiện trên đây đã thiếu mất một. Nếu đầy đủ thì đời này sẽ là thân sau cùng. Sanh nhằm thời đại này, nghe kinh có băng thâu âm và băng thâu hình, nghe mấy chục lượt thì từ trong mê tình chúng ta sẽ được lay tỉnh. Đây là tăng thượng duyên, thiện căn, phước đức là thân nhân duyên.

“*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu*” (Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu): Tiêu chuẩn “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” được nói ở đây khác với tiêu chuẩn của thiện nam tử, thiện nữ nhân trong hết thảy các kinh điển khác. “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*” như trong kinh Di Đà đã nói phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, mà cũng là những nam tử, nữ nhân tin thật, nguyện thiết, nhất tâm trì danh hiệu như trong phần trên đã nói.

“*Văn thuyết A Di Đà Phật*” (nghe nói A Di Đà Phật): “*Văn*” (聞) là nghe xong liền có nguyện vọng [vãng sanh] mạnh mẽ. “*Chấp*” (執) là nắm giữ, “*trì*” (持) là giữ gìn chẳng để mất. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, hễ vọng niệm vừa dấy lên, ngay lập tức nghĩ đến tượng A Di Đà Phật, miệng liền niệm Phật; nhất tâm bất loạn là mục tiêu niệm Phật của chúng ta. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “*tịnh niệm tiếp nối*”, tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật đều không gián đoạn. Nếu có tạp niệm thì chẳng tương ứng. Tạp niệm, vọng tưởng dấy lên là hiện tượng

bình thường, chẳng cần phải quan tâm đến nó, cứ chuyên chú nơi Phật hiệu, vọng niệm sẽ dần dần ít đi. Thông thường, công phu sẽ đặc lực sau hai ba năm, mỗi giờ có đôi ba vọng niệm thì đã được coi là khá lắm rồi! Chưa đoạn được vọng niệm, nói chung là vì chưa buông xuống được các duyên trong đời. Hiện tại, chúng ta đã Phật thất, chính là căn cứ theo kinh Di Đà đã dạy, bảy ngày có thể thành tựu; chỉ cần tu đến mức nhất tâm bất loạn, muôn vãng sanh liền vãng sanh. Sống chết tự tại, bảy ngày niệm đến mức tương ứng là được. Nếu chẳng tương ứng thì bảy mươi ngày cũng chẳng có tác dụng gì hết.

(Giải) Bồ Đề chánh đạo, danh “thiện căn”, tức thân nhân. Chủng chủng trợ đạo, Thí, Giới, Thiền đẳng, danh “phước đức”, tức trợ duyên. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Đề thiện căn thiểu, nhân thiên hữu lậu phước nghiệp, phước đức thiểu, giai bất khả sanh Tịnh Độ. Duy dĩ tín nguyện chấp trì danh hiệu, tấc nhất nhất thanh, tấc cụ đa thiện căn, phước đức, tán tâm xưng danh, phước thiện diệc bất khả lượng, hưởng nhất tâm bất loạn tại!

(解) 菩提正道。名善根。即親因。種種助道。施戒禪等。名福德。即助緣。聲聞緣覺。菩提善根少。人天有漏福業。福德少。皆不可生淨土。唯以信願執持名號。則一一聲。悉具多善根福德。散心稱名。福善亦不可量。況一心不亂哉。

(Giải: Chánh đạo Bồ Đề gọi là “thiện căn”, tức thân nhân (cái nhân chánh yếu). Các món trợ đạo như Thí, Giới, Thiền v.v... gọi là “phước đức”, tức là trợ duyên. Thiện căn Bồ Đề của Thanh Văn, Duyên Giác ít ỏi, phước nghiệp của trời người là hữu lậu, nên phước đức ít ỏi, đều chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Chỉ có tín nguyện, chấp trì danh hiệu thì mỗi một tiếng đều đầy đủ nhiều thiện căn, phước đức. Tâm tán loạn xưng danh thì phước thiện còn chẳng thể lường, hưởng là nhất tâm bất loạn u!)

Chú giải đoạn này, đại sư giảng rõ tình huống có thể vãng sanh hay là không. Chữ “chánh đạo” trong “Bồ Đề chánh đạo” chỉ Chân Như bốn tánh trong Phật pháp Đại Thừa. “Bồ Đề chánh đạo” tức là minh tâm kiến tánh, trong Tịnh Tông gọi là “thâm tín”. Tin sâu xa quả thật có thể giới Cực Lạc, có A Di Đà Phật, tin sâu xa lời giới thiệu của Thích Ca Mâu Ni quả thật chẳng dối, tin sâu xa mười phương hết thảy chư Phật Như Lai chứng minh lời Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói là xác thực không sai. Đây chính là “thân nhân” (cái nhân chánh yếu) khiến chúng ta vãng sanh Tịnh Độ, thành Phật trong một đời. Các pháp thường được nói đến như Tứ Nhiếp, Lục Độ, ba mươi bảy đạo phẩm đều là trợ duyên. Chúng ta thật sự phát nguyện sanh về Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật thì Tứ Nhiếp, Lục Độ, ba mươi bảy đạo phẩm cũng đều hoàn toàn trọn đủ. Một đời xử thế, đãi người, tiếp vật, có tư hào thiện tâm, thiện hạnh nào cũng đều hồi hướng Tây Phương cầu sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng cầu phước báo trời người trong đời này hay trong đời kế, chỉ cầu vãng sanh Tây Phương, trang nghiêm Tịnh Độ thì tâm ấy mới thuần, là trợ duyên thù thắng. Cổ nhân nói: “Tín nguyện trì danh là điều lành

nhất trong các điều lành”. Đạo lý trong câu nói này rất sâu. Bạc Bồ Tát minh tâm kiến tánh còn chưa hiểu thật rõ loại sự lý này. Nếu đức Phật không dạy chúng ta, ai có thể hiểu được? Phàm phu nghiệp chướng tập khí nặng nề, tuy Phật giảng rõ ràng, vẫn chẳng nhất định tin tưởng, nhưng đại Bồ Tát có trí huệ cao, nghe rồi liền tỉnh ngộ. Vì thế, so ra thì Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương tiếp dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng dễ dàng, đức Thế Tôn ở trong thế giới này khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ thật khó khăn. Do vậy, pháp môn này được gọi là “*nan tín chi pháp*” (pháp khó tin). Nếu nghe xong mà có thể tin tưởng và tiếp nhận, phụng hành, đây chính là như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói: Thiện căn, phước đức đã tu hành trong vô lượng kiếp quá khứ đến nay đã chín muồi. Nếu không, sẽ chẳng thể tiếp nhận, nhưng người như vậy rốt cuộc chẳng nhiều nhận gì!

(Giải) Cố sử cảm ứng đạo giao, văn thành ấn hoại, Di Đà thánh chúng, bất lai nhi lai, thân thù tiếp dẫn, hành nhân tâm thức, bất vãng nhi vãng, thác chất bảo liên dã.

(解)故使感應道交。文成印壞。彌陀聖眾。不來而來。親垂接引。行人心識。不往而往。託質寶蓮也。

(Giải: Do vậy, khiến cho [Phật và hành giả tu Tịnh Độ] cảm ứng đạo giao, nét khắc trên ấn đã hiện, ấn [sáp] liền hoại. Phật Di Đà và thánh chúng, chẳng tới mà tới, đích thân rủ lòng tiếp dẫn, tâm thức của hành nhân chẳng đi mà đi, gởi thể chất trong hoa sen báu).

“*Văn thành ấn hoại*”⁸ là tỷ dụ công phu niệm Phật thành tựu. Công phu trong một niệm, niệm đến mức thuần nhất bèn cảm ứng đạo giao. Vì sao nói A Di Đà Phật và Bồ Tát, thánh chúng “*đến mà chẳng đến*”? Đến và đi là nói theo mặt Sự, trên mặt Sự quả thật có chuyện ấy. Nói theo mặt Lý thì chẳng có đến hay đi. Chư Phật, Bồ Tát biến hiện trong tâm của chúng sanh, chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà thế giới Cực Lạc cũng là do tự tánh của chúng sanh

⁸ “*Văn*” là nét chữ khắc trên ấn. Trong thư gởi cho ông Đinh Phước Bảo (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4), tổ Ấn Quang đã giảng: “*Trong quyển bảy của bộ [Phật Học] Đại Từ Điển, trang 1029, phía dưới từ ngữ ‘ấn hoại thành văn’ (ấn nát nhưng dấu khắc trên ấn đã hiện) chú rằng: “Đúc sáp thành ấn, in trên bùn đất”, chưa đích xác! Ở đây là nói về kim nê, dùng ấn [đúc hay khắc bằng] sáp áp vào kim nê đang nóng chảy. Do kim nê chưa nguội nên còn mềm mại có thể đóng ấn vào được. Tuy đã bị ấn sáp đóng xuống thành vết, nhưng vì sức nóng của kim nê nên ấn sáp bị chảy tan. Tuy ấn sáp bị chảy tan, nhưng mỗi một nét khắc trên mặt ấn sáp đã đều hiện rõ trên kim nê. Như vậy thì ấn bị hoại, nhưng nét khắc trên mặt ấn đã hình thành, [hai chuyện này xảy ra] cùng một lúc. Nếu hiểu là [đem ấn sáp] in trên bùn đất thì làm sao ấn có thể bị hư hoại cho được?” Kim Nê là một hợp chất do thủy ngân hòa lẫn với bột vàng (hoặc kim loại khác) đem nung nóng thành chất bột sên sệt. Do ấn vừa in xuống, nét khắc liền hiện, có thể ví dụ sự việc xảy ra đồng thời, giống như chúng sanh vừa cảm, Phật liền ứng nên hòa thượng Tịnh Không mới nói: “*Văn thành ấn hoại là tỷ dụ công phu niệm Phật thành tựu. Công phu trong một niệm, niệm đến mức thuần nhất bèn cảm ứng đạo giao*”.*

biến hiện, duy tâm Tịnh Độ, hoàn toàn chẳng rời ngoài cái tâm. A Di Đà Phật đến tiếp dẫn là do tín nguyện hạnh của chính mình cảm ứng. Tín - Nguyện - Hạnh là năng cảm, còn Phật, Bồ Tát ứng hiện là sở cảm. Tâm thức của hành nhân vãng sanh, chứ không phải thân thể vãng sanh. Thân thể là Ngã Sở (cái thuộc về Ngã), tâm thức mới là Ngã.

(Giải) Thiện nam nữ giả, bất luận xuất gia, tại gia, quý, tiện, lão, thiếu, lục thú, tứ sanh, đản văn Phật danh, tức đa kiếp thiện căn thành thục. Ngũ Nghịch, Thập Ác giai danh “thiện” dã.

(解)善男女者。不論出家在家。貴賤老少。六趣四生。但聞佛名。即多劫善根成熟。五逆十惡。皆名善也。

(Giải: “Thiện nam nữ”: Bất luận tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu nẻo, tứ sanh, chỉ nghe được danh hiệu Phật thì đã là thiện căn trong nhiều kiếp chín muồi. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng đều gọi là “thiện” cả)

Đoạn này ý nói hễ người nào vãng sanh thì đều là do thiện căn trong nhiều kiếp đã chín muồi, chẳng cần biết là tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu nẻo, cho đến bốn loài Noãn, Thai, Thấp, Hóa, đều gọi là “thiện”. Chẳng hạn như trong cuốn Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế) có chép chuyện súc sanh vãng sanh rất nhiều. Đàm Hư đại sư kể: Vào đầu thời Dân Quốc, khi lão pháp sư Đê Nhàn trụ trì ngôi chùa nhỏ mang tên Đầu Đà, có một con gà trồng niệm Phật vãng sanh, nó cũng đáng gọi là “thiện nam tử”. “Văn” là Văn Huệ, nghe rồi tin lại còn phát nguyện cầu sanh, dùng một chữ Văn để đại diện, tức là do thiện căn trong nhiều kiếp chín muồi. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã giảng rất thấu triệt: Vương tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả, trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, thiện căn, phước đức chẳng nhỏ. Đời này lại gặp Phật Thích Ca, dùng thân phận cư sĩ để nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp, mong mỗi trong tương lai chính mình sẽ thành Phật giống hệt như A Di Đà Phật, nhưng chỉ khởi lên ý niệm ấy, chứ hoàn toàn chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Cúng dường bốn trăm ức Phật, nhưng thiện căn vẫn chưa chín muồi! Nói cách khác, trong đời này nghe đến danh hiệu A Di Đà Phật mà có thể tin, có thể nguyện, buông xuống hết thấy, cầu sanh Tịnh Độ, thiện căn của người đó chắc chắn vượt trội vương tử A Xà Thế. Loại người này không nhiều, hiện thời chúng ta khuyên người ta niệm Phật, người ta không tin tưởng, đây là chuyện bình thường! Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác trong đời quá khứ có thiện căn, trong đời này chưa gặp được Phật pháp, tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung gặp thiện duyên, được thiện tri thức chỉ dạy, khuyên lơn, khích lệ, vừa nghe liền tin tưởng, lập tức tiếp nhận, niệm Phật cầu sanh, như ông Trương Thiện Hòa đời Đường chẳng hạn, đây chính là thiện căn trong nhiều kiếp nhiều đời đã chín muồi. Tiêu chuẩn thiện - ác ấy chẳng thể dùng quan niệm thông thường để so lường được, mà phải dựa trên nhân duyên trong nhiều đời trước đã tạo ra nhân lành.

(Giải) A Di Đà Phật thị vạn đức hồng danh, dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận. Cố tức dĩ chấp trì danh hiệu vi Chánh Hạnh, bất tất cánh thiệp quán tưởng, tham cứu đặng hạnh, chí giản dị, chí trực tiếp dã. Văn nhi tín, tín nhi nguyện, nãi khẳng chấp trì. Bất tín, bất nguyện, dữ bất văn đặng, tuy vi viễn nhân, bất danh Văn Huệ.

(解)阿彌陀佛。是萬德洪名。以名召德。罄無不盡。故即以執持名號為正行。不必更涉觀想參究等行。至簡易。至直捷也。聞而信。信而願。乃肯執持。不信不願。與不聞等。雖為遠因。不名聞慧。

(Giải: A Di Đà Phật là danh hiệu rộng lớn có đủ muôn đức. Dùng danh để vờ đức, trọn chẳng còn sót gì. Vì thế, liền lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, chẳng cần phải dính dáng những hạnh như quán tưởng, tham cứu v.v.. Đơn giản, dễ dàng nhất, thẳng chóng nhất. Nghe rồi tin, tin rồi nguyện, bền chịu chấp trì. Chứ chẳng tin, chẳng nguyện thì cũng giống như chẳng nghe; tuy tạo thành cái nhân xa, nhưng chẳng thể gọi là Văn Huệ).

Vãng sanh được kiến lập trên nền tảng ba thứ chẳng thể nghĩ bàn: Một là tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn, hai là cái tâm niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn, ba là danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. “A Di Đà Phật thị vạn đức hồng danh, dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận” (A Di Đà Phật là danh hiệu rộng lớn có đủ muôn đức. Dùng danh để vờ đức trọn chẳng còn sót gì): Biến công đức của A Di Đà Phật thành công đức của chính mình, vì A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà, Tây Phương thế giới là duy tâm Tịnh Độ. Tâm tánh của chính mình và tâm tánh của Phật là một, chẳng hai. Do “hết thấy pháp sanh từ tâm tướng” nên phải chuyên tưởng Di Đà thì mới có thể biến Di Đà thành chính mình, khí phận giao tiếp với nhau, thật sự có thể cảm ứng đạo giao. Tu Tịnh Độ lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng nhất, chẳng cần phải quán tưởng, tham cứu. Tất cả hết thấy kinh luận hãy nên buông xuống hết, trọn chẳng cần đến pháp môn thứ hai, tâm lập tức thanh tịnh. Nghe rồi tin, tin rồi nguyện, đầy đủ ba món tư lương. Nếu chẳng tin, chẳng nguyện thì giống như chẳng nghe. Hễ có một pháp thế gian hay xuất thế gian nào không buông xuống được thì điều đó cho thấy lòng tin chẳng thật, nguyện chẳng thiết tha. Dầu niệm Phật cho nhiều cũng chẳng thể vãng sanh. Trong tâm, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, trọn chẳng để cho bất cứ một pháp nào khác xen tạp trong tâm chính mình. Nếu chẳng được vậy thì chỉ là gieo được cái nhân xa mà thôi. Cổ nhân nói “*buông xuống thân, tâm, thế giới, nhất tâm chuyên niệm*” chính là nhằm bồi dưỡng cho thiện căn chưa chín muồi của chúng ta được chín muồi, đây là chuyện chúng ta có thể làm được. Đương nhiên, trong ấy vẫn có một nhân tố trọng yếu tức là nhân duyên. Chúng ta gặp được sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, giảng thấu triệt, tường tận như thế này, dẫu thiện căn, phước đức còn kém một chút thì cũng có thể khiến cho thiện căn, phước đức được chín muồi sớm hơn.

(Giải) Chấp trì, tức niệm niệm ức Phật danh hiệu. Cổ thị Tư Huệ. Nhiên hữu sự trì, lý trì. Sự trì giả, tín hữu Tây Phương A Di Đà Phật, nhi vị đạt “thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”, đản dĩ quyết chí nguyện cầu sanh cổ, như tử ức mẫu, vô thời tạm vong. Lý trì giả, tín Tây Phương A Di Đà Phật thị ngã tâm cụ, thị ngã tâm tạo, tức dĩ tự tâm sở cụ sở tạo hồng danh, vi hệ tâm chi cảnh, linh bất tạm vong dã.

(解)執持。則念念憶佛名號。故是思慧。然有事持理持。事持者。信有西方阿彌陀佛。而未達是心作佛。是心是佛。但以決志願求生故。如子憶母。無時暫忘。理持者。信西方阿彌陀佛。是我心具。是我心造。即以自心所具所造洪名。為繫心之境。令不暫忘也。

(Giải: Chấp trì là niệm niệm nhớ tới danh hiệu Phật, cho nên là Tư Huệ; nhưng có Sự Trì và Lý Trì. Sự Trì là tin có A Di Đà Phật ở Tây Phương, nhưng chưa thấu đạt “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, nhưng do quyết chí nguyện cầu vãng sanh, như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Lý Trì là tin A Di Đà Phật ở Tây Phương tâm ta sẵn đủ, là do tâm ta tạo, liền dùng hồng danh tâm ta sẵn đủ, tâm ta tạo ấy để làm cảnh hệ niệm khiến cho chẳng tạm quên vậy).

Tách rời Văn - Tư - Tu thì mới có thể giảng Sự và Lý rất rõ ràng, chứ trên thực tế, Tam Huệ Văn - Tư - Tu và ba món tư lương Tín - Nguyện - Hạnh đều ở trong một niệm. Một câu Phật hiệu đầy đủ ba món tư lương, mà cũng đầy đủ Tam Học Giới - Định - Huệ và Tam Huệ Văn - Tư - Tu. Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương mở rộng ra chính là toàn bộ hết thảy pháp do đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, các pháp ấy đều nằm gọn trong một câu danh hiệu.

Chấp trì danh hiệu có Sự Trì và Lý Trì khác biệt. Sự Trì là thật sự tin tưởng có thể giới Cực Lạc, có A Di Đà Phật, nhưng chưa thấu đạt “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, chỉ có cái tâm cầu nguyện được vãng sanh hết sức khẩn thiết, như con nhớ mẹ, không lúc nào quên mất. Đây là Sự Trì.

Lý Trì là tin tâm ta sẵn có A Di Đà Phật, Phật do tâm ta tạo. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật đều do tự tánh biến hiện. Hiểu rõ Lý là giải ngộ, ngộ rồi bèn bắt đầu tu thì có thể chứng ngộ.

Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, biểu hiện bề ngoài đều giống nhau: Tinh tấn không lười biếng, tín tâm kiên định. Những phần tử lưng chừng giữa bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là những kẻ khó độ nhất! Cổ nhân khuyên lon chúng ta hãy học theo kẻ ngu; học theo người trí chẳng dễ, học theo kẻ ngu thì còn có thể làm được. Ai chịu học làm kẻ ngu thì người ấy chính là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” như trong kinh này đã nói, hết thảy đều bỏ được, một bộ kinh A Di Đà, một câu A Di Đà Phật, những thứ khác hoàn toàn chẳng cần đến. Đây chính là ngu mà không ai có thể bằng được!

(Giải) Nhất nhật chí thất nhật giả, khắc kỳ biện sự dã. Lợi căn nhất nhật tức bất loạn. Độn căn thất nhật phương bất loạn. Trung căn nhị, tam, tứ, ngũ, lục nhật bất định. Hựu lợi căn năng thất nhật bất loạn. Độn căn căn nhất nhật bất loạn. Trung căn lục, ngũ, tứ, tam, nhị nhật bất định.

(解)一日至七日者。尅期辦事也。利根一日即不亂。鈍根七日方不亂。中根二三四五六日不定。又利根能七日不亂。鈍根僅一日不亂。中根六五四三二日不定。

(Giải: “Từ một ngày cho đến bảy ngày” là định thời hạn hồng tu tập thành tựu. Bạc lợi căn trong một ngày liền chẳng loạn. Độn căn thì bảy ngày mới chẳng loạn. Bạc trung căn thì hai, ba, bốn, năm, sáu ngày không chừng. Lại nữa, bạc lợi căn có thể bất loạn suốt bảy ngày. Bạc độn căn chỉ có thể bất loạn trong một ngày. Bạc trung căn thì sáu, năm, bốn, ba, hai ngày không chừng).

Pháp môn Niệm Phật có thể định thời hạn mong chứng đắc từ một ngày cho đến bảy ngày. Quý vị nghĩ xem, pháp môn nào có thể thành công trong vòng bảy ngày? Do vậy, ngay cả vị tổ sư khai sơn của Pháp Tướng Tông là Khuy Cơ đại sư cũng khen ngợi pháp này là pháp Đại Thừa đốn pháp đến cùng cực. Ngài viết một bản chú giải cho kinh Di Đà có tựa đề là [A Di Đà Kinh] Thông Tán Số nhằm tán dương Tịnh Độ. Do niệm Phật bảy ngày có thể thành tựu, hàng lợi căn trong một ngày liền đắc nhất tâm bất loạn, còn kẻ độn căn phải mất bảy ngày mới chẳng loạn. Trung căn thì hai, ba, bốn, năm, sáu ngày không nhất định. Hễ có thể nhất tâm bất loạn thì liền sanh tử tự tại. Tịnh Tông đả Phật thất chính là căn cứ trên đoạn kinh văn này. Thật sự đả Phật thất niệm Phật thì như trong quá khứ thầy Lý đã từng bảo chúng tôi: Đài Trung Liên Xã tuy thành lập bốn mươi mấy năm, nhưng chỉ cử hành tinh tấn Phật thất hai lượt. Thầy Lý đích thân chủ trì. Người tham gia tinh tấn Phật thất không được quá mười người. Vị thầy chủ trì phải chỉ dạy, uốn nắn tình trạng tu tập của từng người [tham dự]. Đông người sẽ chiếu cố không xuê, hễ hơi sơ sẩy sẽ chuốc lấy ma chướng. Trong hai lần ấy, cũng có mấy người bị ma dựa, thế gian gọi là “bệnh thần kinh”. Thầy Lý bỏ thời gian cả một năm để kèm cặp mới khiến cho người ấy trở lại bình thường. Từ đây, không còn đả tinh tấn Phật thất nữa, chỉ cử hành pháp hội Phật thất. Ma chướng đưa đến là [do chính người ấy] có mong cầu, cầu thần thông, cầu cảm ứng, tâm chẳng thanh tịnh. Kinh Di Đà nói bảy ngày, còn kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm, thập trú dạ bất tuyệt giả” (trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm, mười ngày đêm chẳng dứt), tức là nói [định kỳ hạn Niệm Phật cầu chứng trong] mười ngày. Cổ Âm Vương Kinh cũng nói mười ngày. Kinh Đại Tập nói bảy thất, tức bốn mươi chín ngày. Kinh Ban Châu Tam Muội nói chín mươi ngày, tức ba tháng. Kinh Văn Thù Bát Nhã cũng nói chín mươi ngày. Các kinh nói số ngày hạn định để cầu chứng đắc dài ngắn khác nhau, kinh A Di Đà nói thời gian ngắn nhất, đơn giản, dễ dàng nhất, ai cũng có thể làm được. Huống chi kinh Vô Lượng Thọ còn nói: “Trú dạ thường niệm, nguyện dục vãng

sanh A Di Đà Phật thanh tịnh Phật quốc, thập nhật, thập dạ, nãi chí nhất nhật, nhất dạ, bất đoạn tuyệt giả, thọ chung giai đắc vãng sanh kỳ quốc” (Ngày đêm thường niệm, nguyện muốn vãng sanh cõi Phật thanh tịnh của A Di Đà Phật, từ mười ngày mười đêm cho đến một ngày một đêm chẳng đoạn tuyệt, khi hết tuổi thọ đều được sanh về nước ấy). Nói chung, chỉ cần nhất tâm, bất luận thời gian dài hay ngắn, đều có thể vãng sanh; còn phẩm vị cao hay thấp tùy thuộc công phu Niệm Phật sâu hay cạn. Nói “sâu hay cạn” là nói tới sự tương ứng, tương ứng với hạnh và nguyện của A Di Đà Phật thì là sâu. Nói đơn giản hơn nữa là tương ứng với Định và Huệ. Công phu sâu là tâm định, huệ khai, đoạn phiền não, phá vô minh, phẩm vị tự nhiên cao. Công phu niệm Phật cạn là Định và Huệ yếu ớt, có thể khuất phục phiền não, nhưng chưa thể đoạn được phiền não, phẩm vị ắt thấp, [chuyện này] chẳng khó hiểu gì!

(Giải) Nhất tâm diệt nhị chủng, bất luận Sự Trì, Lý Trì, trì chí phục trừ phiền não, nãi chí Kiến Tư tiên tận, giai Sự nhất tâm. Bất luận Sự Trì, Lý Trì, trì chí tâm khai, kiến bốn tánh Phật, giai Lý nhất tâm. Sự nhất tâm bất vị Kiến Tư sở loạn, Lý nhất tâm bất vị nhị biên sở loạn, tức Tu Huệ dã.

(解)一心亦二種。不論事持理持。持至伏除煩惱。乃至見思先盡。皆事一心。不論事持理持。持至心開。見本性佛。皆理一心。事一心不為見思所亂。理一心不為二邊所亂。即修慧也。

(Giải: Nhất tâm cũng có hai thứ. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, trì đến mức khuất phục, trừ diệt phiền não, cho đến trừ hết Kiến Hoặc hay Tư Hoặc trước, đều là Sự nhất tâm. Bất luận là Sự Trì hay Lý Trì, trì đến mức tâm khai ngộ, thấy vị Phật nơi bốn tánh, đều là Lý nhất tâm. Sự nhất tâm chẳng bị Kiến Hoặc, Tư Hoặc nhiễu loạn, Lý nhất tâm chẳng bị nhị biên nhiễu loạn. Đấy chính là Tu Huệ vậy).

Nhất tâm cũng gồm hai thứ. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, nhân giống nhau, quả cũng giống nhau. Ví như chúng ta là phàm phu tuy nghe nói “*duy tâm Tịnh Độ, tỳ tánh Di Đà*”, nhưng chẳng hiểu rõ tâm tánh là gì. Nếu hoàn toàn hiểu rõ thì là minh tâm kiến tánh, là bậc Pháp Thân đại sĩ. Chữ “*thượng trí*” chỉ Pháp Thân đại sĩ, bậc Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo bèn thuộc về Lý Trì, còn những ai chưa chứng Pháp Thân thì đều gọi là Sự Trì. Trong Bát Thức Quy Củ Tụng, Huyền Trang đại sư đã viết: “*Ngu giả nan phân Thức dữ Căn*” (kẻ ngu chẳng phân biệt được Thức và Căn). Chữ “*ngu giả*” chỉ bậc A La Hán. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì đều tin chân thật, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh, nhân giống hết nhau. Đăng Giác và phàm phu bình đẳng. Nhân bình đẳng, quả cũng bình đẳng: Sanh về Tây Phương đều chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Văn Thù, Phổ Hiền là Lý Trì, Quán Kha là Sự Trì; sự Quán Kha giống hết Văn Thù và Phổ Hiền. Luận trên công phu thì chẳng cần biết là Sự Trì hay Lý Trì, chế phục phiền não, chẳng cho nó khởi tác dụng, thường gọi là “*công phu thành phiền*”, thuộc về

công phu Sự nhất tâm ở mức độ cạn. Nếu đoạn được Kiến Hoặc và Tư Hoặc, thì chính là công phu Sự nhất tâm ở mức độ sâu.

Nói theo Giáo Hạ, Kiến Hoặc có tám mươi tám phẩm trong tam giới, Tư Hoặc có tám mươi một phẩm. Người đoạn được mấy phẩm là Sự nhất tâm ở mức độ cạn. Nếu đoạn được hoàn toàn thì là Sự nhất tâm viên mãn. Do vậy, trong Sự nhất tâm cũng có ba bậc chín phẩm. Bất luận trì theo cách nào, chỉ luận định theo công phu đoạn phiền não sâu hay cạn, chẳng cần biết là Sự Trì hay Lý Trì.

“*Trì chí tâm khai, kiến bốn tánh Phật*” (Trì đến mức tâm khai ngộ, thấy vị Phật trong bốn tánh): “*Khai*” là khai ngộ, niệm đến mức đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. “*Kiến tánh*” chính là “*kiến bốn tánh Phật*” (thấy được vị Phật trong bốn tánh). Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, thấy một phần bốn tánh, thì gọi là Lý nhất tâm. Vô minh có bốn mươi một phẩm; bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần “bốn tánh Phật”; đủ thấy [người đạt được] Lý nhất tâm như trong Tịnh Tông đã nói chính là bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Lý nhất tâm cũng có bốn mươi một phẩm, từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác, phẩm vị được nâng cao dần dần.

Đắc Sự nhất tâm sẽ chẳng bị Kiến Tư phiền não loạn động, tâm định. Tam-muội là Định, Niệm Phật tam-muội chính là an định, tâm định nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, định nơi A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật và Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, buông hết mọi thứ xuống, chẳng bị lay động bởi lục trần, pháp thế gian thường gọi [người đạt cảnh giới này] là “*bát phong xuy bất động*” (tám gió thổi chẳng động)⁹. Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian đều chẳng động tâm mà pháp xuất thế gian cũng chẳng động tâm. Đắc Sự nhất tâm thì tham, sân, si, mạn, nghi đều chẳng còn.

Đắc Lý nhất tâm thì “*chẳng bị nhị biên làm loạn*”. Từ ngữ “*nhị biên*” ở đây ý nói hết thảy pháp đều là tương đối. Người thế gian sống trong không gian tương đối, hễ nói là lớn ắt phải có nhỏ, nói là dài ắt phải có ngắn, nói là đúng ắt phải có sai. Hết thảy pháp đều là hai bên đối lập. Nếu chứng được Lý nhất tâm thì hai bên cũng không còn nữa. Hai bên không lập thì trung đạo cũng chẳng còn. Tâm thanh

⁹ “Bát phong” chỉ cho tám thứ dễ khiến cho tâm bị lay động nhất, tức Xung (khen ngợi), Cơ (chê bai), Khổ, Lạc, Lợi, Suy, Đắc, Thất. “*Bát phong xuy bất động*” chính là một câu trong bài thơ của Tô Đông Pha trong khi tịnh tọa, cảm thấy cảnh giới chứng ngộ của mình rất cao, liền cao hứng viết: “*Khể thủ Thiên Trung Thiên, hào quang chiếu đại thiên, bát phong xuy bất động, đoan tọa tử kim liên*” (Kính lạy Thiên Trung Thiên, hào quang chiếu đại thiên, tám gió thổi chẳng động, ngồi yên trên sen vàng). Làm xong bài thơ ấy, Tô Đông Pha vô cùng đắc ý, sai tiểu đồng cấp tốc vượt sông đưa cho thiền sư Phật Ấn bình phẩm. Ngài Phật Ấn xem xong, cười khan, chẳng nói gì. Tiểu đồng van nài xin Sư cho biết ý kiến để thưa với chủ. Sư đề ngay hai chữ “*phóng thích*” (thả rắm), bảo đem về. Tiểu đồng về trình lại, Tô Đông Pha nổi giận đùng đùng, liền gọi người chèo thuyền ngay sang sông để cật vấn Sư sao lại thô lỗ đến mức ấy, chẳng biết thường thức thơ Thiền ra sao cả! Đến chùa chỉ thấy cửa đã khóa chặt, Sư đề trên cổng hai câu thơ: “*Bát phong xuy bất động, nhất thí đã quá giang*” (Tám gió thổi chẳng động, một rắm vượt sông ngay).

tịnh, một niệm chẳng sanh, đó gọi là “*khai khẩu tiện thác, động niệm tức quai*” (mở miệng liền sai, dây niệm liền trái). Tất cả hết thấy vọng tưởng, chấp trước đều chẳng có. Đây gọi là Tu Huệ. Nếu niệm Phật mà chẳng thể thụ dụng thì chẳng được coi là “chân tu”. Người khác khen ngợi ta, trong tâm rất vui vẻ, tự cảm thấy đắc ý. Người khác hủy báng ta, tâm sanh phần nộ, đều thuộc về phiền não. Vì sao người ta có thể biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh? Nói toạc ra thì chẳng có gì khác cả, đối với pháp thế gian lẫn xuất thế gian người ấy chẳng động tâm. Chúng ta hề hơi gặp thử thách một chút, trong tâm liền chán chường. Tuy hằng ngày niệm Phật, nhưng chỉ có thể nói là kết duyên với Tây Phương thế giới mà thôi, đời này chẳng mong chi vãng sanh được! Người vãng sanh chẳng động tâm, họ bỏ thế gian này xuống, nó đâu có liên can gì với mình, tôi mượn cái thân thể này để niệm Phật vãng sanh Cực Lạc thế giới. Không những hủy báng hay khen ngợi chẳng dính dáng gì đến tôi, mà đánh tôi hay chửi tôi cũng chẳng ăn nhằm gì hết. Ngay cả thân thể cũng không màng đến, huống hồ là vật ngoài thân? Đây là công phu tôi thiếu để được vãng sanh Tây Phương. Do vậy, trông thấy vinh hoa phú quý, tâm trọn chẳng có mảy may hâm mộ, đây mới là “*chẳng bị Kiến Tư làm loạn*”.

Nói theo đường lối tu tập thông thường thì đừng nói là đoạn Kiến Tư, chế ngự Kiến Tư cũng hết sức khó khăn, phải nhờ vào Định. Do vậy, gọi là Định Cộng Giới. Trong Định có Giới, trong Giới không có Định. Định có thể chế phục Kiến Tư, nhưng chẳng thể đoạn Kiến Tư. Công phu chế phục càng sâu thì tầng cấp sanh lên cõi trời càng cao. Trời có hai mươi tám tầng. Sanh lên trời chẳng thể thoát tam giới, muốn thoát tam giới thì phải đoạn Kiến Tư phiền não. Tứ Thiên Bát Định được gọi là Thiên Định thế gian. Pháp môn Tịnh Độ nói đến chuyện mang theo nghiệp, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, hề có công phu chế phục được phiền não bèn có thể vãng sanh. Chế phục phiền não cần phải có Định; do vậy, gọi là Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là Định, mà cũng thường được gọi là “*công phu thành phỉ*”, đây chính là điều kiện tối thiểu để vãng sanh. Người thật sự cầu nguyện vãng sanh phải thật sự buông xuống thế giới này, hết thấy những thứ tạp nhạp dù là thế gian hay xuất thế gian đều là chướng ngại, chẳng cần phải bận lòng!

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải **Giảng Ký, phần 7 hết**